

NỘI DUNG HỒ SƠ

Quyết định số 1441/QĐ-BGTVT về việc công bố xếp hạng năng lực các tổ chức tư vấn ngành Giao thông vận tải năm 2014.....	2
Quyết định thành lập	6
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.....	9
PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG.....	12
- LỜI MỞ ĐẦU.....	13
- NĂNG LỰC TÀI CHÍNH	16
- CÁC DỊCH VỤ TƯ VẤN XÂY DỰNG	17
- SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY VÀ NHÂN LỰC.....	18
- ISO 9001	19
- CÁC CÔNG TRÌNH ĐƯỢC CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG CAO – CHẤT LƯỢNG TIÊU BIỂU	21
PHẦN II: CÁC DỊCH VỤ TƯ VẤN TIÊU BIỂU ĐÃ THỰC HIỆN.....	23
- KHẢO SÁT THIẾT KẾ CẦU HẦM - MỘT SỐ CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU	24
- KHẢO SÁT THIẾT KẾ ĐƯỜNG Ô TÔ - MỘT SỐ CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU	31
- THẨM TRA HỒ SƠ KHẢO SÁT-THIẾT KẾ, TỔNG DỰ TOÁN MỘT SỐ CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU	41
- TƯ VẤN GIÁM SÁT THI CÔNG - MỘT SỐ CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU.....	44
PHẦN III: NĂNG LỰC CHUYÊN MÔN CỦA LÃNH ĐẠO VÀ CÁC KỸ SƯ CHỦ CHỐT	47
PHẦN IV: MÁY MÓC, THIẾT BỊ, PHẦN MỀM CHUYÊN DỤNG.....	52

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1441/QĐ-BGTVT

Hà Nội, ngày 23 tháng 4 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH**Về việc công bố xếp hạng năng lực các tổ chức tư vấn**
ngành Giao thông vận tải năm 2014**BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20/12/2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ GTVT;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009;

Căn cứ Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ quy định quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 22/2009/TT-BXD ngày 06/7/2009 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết về điều kiện năng lực trong hoạt động xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 10/2013/TT-BXD ngày 25/7/2013 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2013/TT-BXD ngày 31/7/2013 của Bộ Xây dựng quy định Tổ chức giải thưởng về chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 3332/QĐ-BGTVT ngày 24/12/2012 của Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành Quy định đánh giá xếp hạng năng lực các tổ chức tư vấn xây dựng ngành Giao thông vận tải;

Căn cứ Quyết định số 4387/QĐ-BGTVT ngày 30/12/2013 của Bộ Giao thông vận tải về việc thay thế các Phụ lục của Quy định đánh giá xếp hạng năng lực các

tổ chức tư vấn xây dựng ngành Giao thông vận tải ban hành theo Quyết định số 3332/QĐ-BGTVT ngày 24/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng và Chất lượng công trình Giao thông,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công bố xếp hạng năng lực các tổ chức tư vấn ngành Giao thông vận tải năm 2014 theo từng lĩnh vực: đường bộ, đường sắt, đường thủy – hàng hải, hàng không và được nhóm lại thành các Nhóm xếp theo thứ tự điểm đánh giá từ cao xuống thấp gồm TOP 10, TOP 20, TOP 50, TOP 100 và nhóm còn lại.

1. Kết quả xếp hạng năng lực của các tổ chức tư vấn thiết kế tại Phụ lục 1 kèm theo Quyết định này.

2. Kết quả xếp hạng năng lực của các tổ chức tư vấn giám sát tại Phụ lục 2 kèm theo Quyết định này.

3. Các thông tin về chất lượng dịch vụ một số tổ chức tư vấn tại một số dự án (ứng dụng công nghệ mới, được khen thưởng, bị cảnh cáo, bị phạt hợp đồng, được giải thưởng hoặc bị xử lý vi phạm) tại Phụ lục 3 kèm theo quyết định này.

Điều 2: Tổ chức thực hiện:

1. Kết quả đánh giá và xếp hạng năng lực các tổ chức tư vấn ngành Giao thông vận tải trên sẽ có giá trị đến khi có công bố xếp hạng năng lực mới.

2. Các Chủ đầu tư, đại diện Chủ đầu tư có trách nhiệm thông báo kết quả xếp hạng năng lực tới các đơn vị tư vấn thực hiện các dự án do mình quản lý, chỉ đạo các tổ chức tư vấn thực hiện tốt việc kê khai thông tin năng lực đơn vị mình theo Quyết định số 3332/QĐ-BGTVT ngày 24/12/2012 của Bộ GTVT.

3. Kết quả đánh giá và xếp hạng năng lực các tổ chức tư vấn ngành Giao thông vận tải nêu trên là cơ sở để các Chủ đầu tư, đại diện Chủ đầu tư tham khảo trong công tác lựa chọn tổ chức tư vấn thực hiện các dự án do Bộ GTVT là cấp quyết định đầu tư và các công tác liên quan khác theo quy định; Khuyến khích các Chủ đầu tư khác áp dụng hoặc tham khảo kết quả đánh giá, xếp hạng năng lực các tổ chức tư vấn xây dựng của Bộ GTVT tại Quyết định này.

4. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các tổ chức, cá nhân gửi ý kiến về Bộ Giao thông vận tải (qua Cục Quản lý xây dựng và Chất lượng công trình giao thông) xem xét, giải quyết theo quy định.

Điều 3: Các Chủ đầu tư, đại diện Chủ đầu tư quản lý các dự án do Bộ GTVT là cấp quyết định đầu tư và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định này để triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng;
- Các Vụ thuộc Bộ GTVT;
- Thanh tra Bộ GTVT;
- Ban PPP;
- Tổng cục Đường bộ Việt Nam;
- Các Cục quản lý chuyên ngành;
- Các Sở GTVT;
- Các Ban QLDA: 1, 2, 6, 7, 85, Thăng Long, ATGT, đường Hồ Chí Minh, Đường sắt;
- Các Tổng công ty: VEC; CIPM, ACV;
- Báo Giao thông;
- Trung tâm CNTT Bộ GTVT;
- Cổng thông tin điện tử Bộ GTVT;
- Lưu VT, CQLXD (10).



Nguyễn Ngọc Đông

PHỤ LỤC 1
KẾT QUẢ XẾP HẠNG NĂNG LỰC CỦA CÁC TỔ CHỨC TƯ VẤN THIẾT KẾ NĂM 2014
(Kèm theo Quyết định số 111/QĐ-BGTVT ngày 23 / 4 / 2015 của Bộ GTVT)

TT	TÊN CÁC TỔ CHỨC TƯ VẤN	ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
I	LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ	
	TOP 10	
1	Tổng công ty Tư vấn thiết kế giao thông vận tải (TEDI)	3.325
2	Công ty CP Tư vấn thiết kế GTVT phía Nam (TEDIS)	2.370
3	Công Ty CP Tư vấn Thiết kế Đường bộ (HECO - TEDI)	2.229
4	Công Ty CP Tư vấn Thiết kế Cầu lớn - Hầm (BRITEC-TEDI)	2.191
5	Công ty CP Tư vấn Xây dựng công trình giao thông 2 (TECCO2 - TEDI)	1.920
6	Công ty TNHH MTV Tư vấn và Khảo sát thiết kế xây dựng (Tư vấn Trường Sơn)	1.609
7	Công ty CP Tư vấn Đầu tư xây dựng công trình giao thông 1 - CIENCO 1	1.532
8	Công ty CP Tư vấn thiết kế Cầu đường (RECO-TEDI)	1.460
9	Công ty CP Tư vấn Xây dựng công trình giao thông 5 (TECCO5 - TEDI)	1.435
10	Công ty CP TVTK Giao thông vận tải 4 (TEDCO4 - TEDI)	1.271
	TOP 20	
11	Công ty CP Tư vấn xây dựng 533	1.237
12	Công ty CP Tư vấn đường cao tốc Việt Nam	1.234
13	Công ty CP Tư vấn 6 (trước là Công ty CP Tư vấn 497)	1.109
14	Công ty CP tư vấn đầu tư xây dựng giao thông 5 (trước là Công ty CP Tư vấn Đầu tư xây dựng Bắc Miền Trung)	1.070
15	Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Giao thông Vận tải (TRICC)	1.025
16	Công ty CP Tư vấn và đầu tư xây dựng CCIC Hà Nội	1.017
17	Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế B.R	980
18	Công ty CP Tư vấn Xây dựng Công trình 625	977
19	Viện Khoa học và Công nghệ GTVT	956
20	Công ty CP Tư vấn thiết kế Xây dựng giao thông công chính Đà Nẵng - TCD	923
	TOP 50	
21	Công ty CP Tư vấn Xây dựng giao thông 8	915
22	Công ty CP Thiết kế và xây dựng NaNo	874
23	Công ty Tư vấn triển khai công nghệ và xây dựng giao thông - Trường Đại học Giao thông vận tải	861
24	Công ty CP Tư vấn xây dựng giao thông Gia Lai	858
25	Công ty CP Tư vấn đầu tư và xây dựng Việt Nam - Vinacico	801
26	Công ty CP Tư vấn giao thông Vĩnh Phúc	795
27	Công ty TNHH Tư vấn xây dựng Trường Sơn	792
28	Công ty CP Nadeco	753
29	Công ty TNHH Đầu tư VTCO	742
30	Công ty TNHH MTV Thiết kế và Tư vấn xây dựng công trình hàng không ADCC	737
31	Công ty CP Đầu tư và Tư vấn xây dựng 575	737
32	Công ty CP Tư vấn Giao thông Quảng Trị	702
33	Công ty CP Tư vấn T27	684
34	Công ty CP Tư vấn xây dựng giao thông Yên Bái	678
35	Công ty CP Tư vấn xây dựng Thành Công	674

Phạm
1/4

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2434 /QĐ-BGTVT

Hà Nội, ngày 12 tháng 10 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH**Về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Tư vấn thiết kế đường bộ, đơn vị thành viên của Tổng công ty Tư vấn thiết kế GTVT thành Công ty cổ phần****BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Căn cứ Nghị định số 34/2003/NĐ-CP ngày 04/4/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về việc chuyển công ty nhà nước thành công ty cổ phần;

Căn cứ Thông tư số 126/2004/TT-BTC ngày 24/12/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về việc chuyển công ty nhà nước thành công ty cổ phần;

Căn cứ Quyết định số 1869/QĐ-BGTVT ngày 12/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc xác định giá trị doanh nghiệp nhà nước Công ty Tư vấn thiết kế đường bộ;

Xét đề nghị của Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty Tư vấn thiết kế đường bộ tại văn bản số 2709/TCCB-LĐ ngày 03/10/2006, của Tổ thường trực giúp việc Ban Chỉ đạo đổi mới và phát triển doanh nghiệp Bộ GTVT tại biên bản thẩm định phương án cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước Công ty Tư vấn thiết kế đường bộ ngày 04/10/2006;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ trưởng Vụ Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước Công ty Tư vấn thiết kế đường bộ với các nội dung chính sau:

1. Tên công ty cổ phần: **Công ty cổ phần Tư vấn thiết kế đường bộ**
 - Tên giao dịch quốc tế: **HIGHWAY ENGINEERING CONSULTANTS JOINT STOCK COMPANY;**
 - Tên viết tắt: **HECO.**



- Trụ sở chính: 278 phố Tôn Đức Thắng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.
- 2. Công ty cổ phần có:
 - a. Tư cách pháp nhân kể từ ngày đăng ký kinh doanh;
 - b. Thực hiện chế độ hạch toán kinh tế độc lập;
 - c. Có con dấu riêng, được mở tài khoản tại ngân hàng theo quy định của pháp luật;
 - d. Được tổ chức và hoạt động theo điều lệ công ty cổ phần và Luật Doanh nghiệp, được đăng ký kinh doanh theo luật định.
- 3. Vốn điều lệ và cơ cấu cổ phần phát hành:
 - a. Vốn Điều lệ: 11.550.000.000 đồng.
 - b. Cổ phần phát hành lần đầu: 11.550.000.000 đồng/1.155.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng, trong đó:
 - + Cổ phần nhà nước: 589.050 cổ phần, chiếm 51% vốn điều lệ;
 - + Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động trong doanh nghiệp: 271.500 cổ phần, chiếm 23,5% vốn điều lệ;
 - + Cổ phần bán đấu giá công khai: 294.450 cổ phần, chiếm 25,5% vốn điều lệ.(Giá khởi điểm bán đấu giá là 10.000đồng/1 cổ phần)
- 4. Phương án sắp xếp lao động:
 - Tổng số lao động có đến thời điểm cổ phần hoá: 201 người;
 - Tổng số lao động chuyển sang công ty cổ phần: 187 người.
- 5. Phương án đào tạo, đào tạo lại người lao động:
 - Tổng số lao động cần đào tạo để chuyển sang công ty cổ phần 56 người;
 - Dự kiến kinh phí đào tạo: 86.100.000 đồng.
- 6. Chi phí cổ phần hoá: Giám đốc Công ty Tư vấn thiết kế đường bộ quyết định, chịu trách nhiệm về các chi phí thực tế cần thiết phục vụ quá trình cổ phần hoá Công ty theo quy định của pháp luật hiện hành. Thực hiện quyết toán kinh phí lao động dôi dư theo chế độ Nhà nước quy định.

Điều 2. Ban Chỉ đạo cổ phần hoá có trách nhiệm chỉ đạo Công ty Tư vấn thiết kế đường bộ tiến hành các thủ tục để bán cổ phần theo quy định, thẩm tra và trình Bộ trưởng phê duyệt quyết toán chi phí cổ phần hoá, kết quả đào tạo, kinh phí trợ cấp lao động dôi dư.

Giám đốc Công ty Tư vấn thiết kế đường bộ có trách nhiệm điều hành, quản lý Công ty cho đến khi bàn giao toàn bộ tài sản, tiền vốn, lao động,... cho công ty cổ phần và chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật hiện hành.

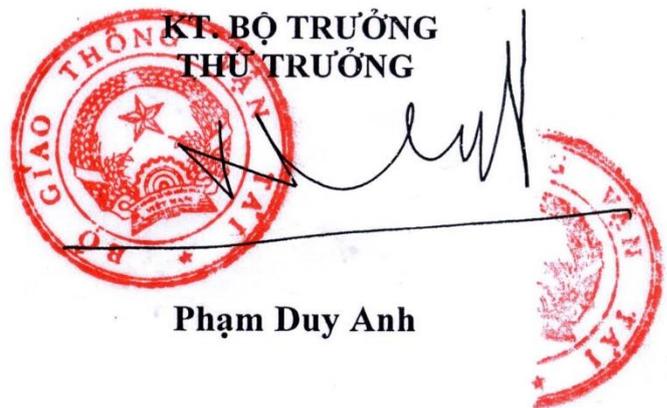
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Bãi bỏ Quyết định số 857 QĐ/TCCB-LĐ ngày 25/4/1996 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải thành lập Công ty Tư vấn thiết kế đường bộ.

Ban Chỉ đạo đổi mới và phát triển doanh nghiệp Bộ Giao thông vận tải, Trưởng ban Chỉ đạo cổ phần hóa, các Vụ trưởng, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Tổng công ty Tư vấn thiết kế giao thông vận tải, Giám đốc Công ty Tư vấn thiết kế đường bộ, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Ban Chỉ đạo ĐM và PTDN;
- Bộ Tài chính;
- UBND TP Hà Nội;
- Công an Hà Nội;
- Các sở: KHĐT, Tài chính Hà Nội;
- Công đoàn GTVT Việt Nam;
- Lưu VT, TCCB(3).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG


Phạm Duy Anh

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
 THÀNH PHỐ HÀ NỘI
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN

Mã số doanh nghiệp: 0100108078

Đăng ký lần đầu: ngày 28 tháng 12 năm 2006

Đăng ký thay đổi lần thứ 4: ngày 27 tháng 10 năm 2014

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ ĐƯỜNG BỘ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HIGHWAY ENGINEERING CONSULTANT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: HECO

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số 278 phố Tôn Đức Thắng, Phường Hàng Bột, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 38511271/35114714

Fax: 35111249

Email: heco@heco.vn

Website: heco.vn

3. Ngành, nghề kinh doanh

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Chi tiết: - Thí nghiệm vật liệu xây dựng và thí nghiệm địa chất công trình; - Kiểm định, thử tải công trình (chỉ hoạt động khi đủ năng lực theo quy định của pháp luật); - Phân tích, nghiên cứu, đánh giá tác động môi trường;	7120
2	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Điều tra, thu thập các số liệu về quy hoạch, dân sinh, kinh tế - xã hội, các vấn đề liên quan đến giao thông, nông nghiệp và phát triển nông thôn, xây dựng, công nghiệp; - Điều tra, phân tích, thu thập các số liệu phục vụ thiết kế các công trình tiện ích giao thông;	7490



STT	Tên ngành	Mã ngành
3	<p>Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiết kế công trình thủy lợi; - Thiết kế các công trình giao thông cầu, đường bộ; - Thiết kế công trình cầu, hầm - Thiết kế công trình đường sắt - Thiết kế cấp thoát nước công trình xây dựng - Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp - Thiết kế điện chiếu sáng công trình dân dụng, công nghiệp và giao thông; - Thiết kế nền, xử lý nền: đối với công trình xây dựng; - Thiết kế biện pháp khảo sát công trình, khảo sát địa chất thủy văn; - Khảo sát trắc địa công trình; - Khảo sát thủy văn, môi trường; - Khảo sát địa chất thủy văn, địa chất công trình; - Thiết kế các công trình xây dựng cầu; - Tư vấn giám sát xây dựng công trình giao thông (chỉ hoạt động khi đủ năng lực theo quy định của pháp luật và theo chứng chỉ hành nghề); - Lập quy hoạch tổng thể, quy hoạch chi tiết giao thông vận tải; - Lập báo cáo đầu tư xây dựng, dự án đầu tư xây dựng, báo cáo kinh tế kỹ thuật; - Lập tổng mức đầu tư dự án; Lập dự toán và tổng dự toán - Lập hồ sơ mời thầu, phân tích và đánh giá hồ sơ dự thầu; - Thẩm tra: hồ sơ khảo sát, dự án đầu tư, báo cáo kinh tế kỹ thuật, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán và tổng dự toán (chỉ hoạt động khi đủ năng lực theo quy định của pháp luật); - Tư vấn quản lý dự án, đầu tư xây dựng (chỉ hoạt động khi đủ năng lực theo quy định của pháp luật và theo chứng chỉ hành nghề); 	7110

4. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ: 11.550.000.000 đồng

Bằng chữ: Mười một tỷ năm trăm năm mươi triệu đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 1.155.000

5. Số cổ phần được quyền chào bán: 0

6. Vốn pháp định

7. Danh sách cổ đông sáng lập



STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VND)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; MSDN đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ GIAO THÔNG VẬN TẢI - CTCP	Số 278 phố Tôn Đức Thắng, Phường Hàng Bột, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	589.050	5.890.500.000	51		
			Tổng số	589.050	5.890.500.000	51		
2	234 cổ đông còn lại (cổ đông góp vốn)	Việt Nam	Cổ phần phổ thông	565.950	5.659.500.000	49		

8. Người đại diện theo pháp luật của công ty

Chức danh: *Giám đốc*

Họ và tên: **HOÀNG VĂN THỌ**

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: *06/05/1963*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy chứng thực cá nhân: *Giấy chứng minh nhân dân*

Số: *011549468*

Ngày cấp: *19/06/2001*

Nơi cấp: *Công an Hà Nội*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Phòng 803 - B10 tập thể Kim Liên, Phường Kim Liên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại:

Phòng 803 - B10 tập thể Kim Liên, Phường Kim Liên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Thông tin về chi nhánh

10. Thông tin về văn phòng đại diện

11. Thông tin về địa điểm kinh doanh



Trần Minh Quang

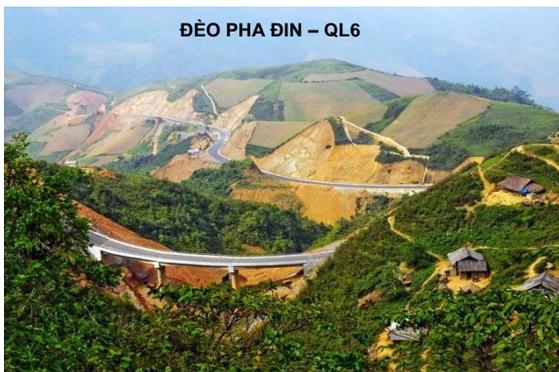
PHẦN I:

GIỚI THIỆU CHUNG

LỜI MỞ ĐẦU

Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế Đường bộ (tên giao dịch quốc tế: **Highway Engineering Consultant Joint Stock Company – HECO**) được chuyển đổi Cổ phần hóa từ Công ty TVTK Đường bộ là Công ty hạng I hạch toán kinh tế độc lập có con dấu riêng, tài khoản riêng, là một công ty tư vấn thiết kế hàng đầu tại Việt Nam, chuyên cung cấp các dịch vụ tư vấn xây dựng công trình cầu, hầm, đường ô tô, bao gồm các dịch vụ chủ yếu sau:

1. Khảo sát thiết kế lập Báo cáo đầu tư, Dự án đầu tư, Thiết kế kỹ thuật, Thiết kế bản vẽ thi công, Lập quy hoạch các công trình cầu đường ô tô, bao gồm cầu lớn đặc biệt, cầu vượt nút giao, hầm giao thông, đường cao tốc, đường đô thị, đường quốc lộ, đường công trường, đường giao thông nông thôn và các loại đường chuyên dụng khác.
2. Tư vấn giám sát thi công các công trình giao thông.
3. Thẩm tra thiết kế công trình giao thông.



Dưới đây là những nét chính về công ty:

Có 50 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực tư vấn xây dựng cầu đường:

Được thành lập từ năm 1962 (thuộc Viện thiết kế GTVT), Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế Đường bộ có trên 50 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực tư vấn xây dựng công trình giao thông, cụ thể:

1. Tham gia khảo sát thiết kế hầu hết các công trình giao thông đường ô tô lớn, trọng điểm của Việt Nam, bao gồm các đường cao tốc Bắc Thăng Long – Nội Bài, Láng – Hoà Lạc, Cầu Giẽ - Ninh Bình..., các quốc lộ 1, 2, 3, 5, 6, 10, 18..., các tuyến đường vành đai, các trục đường hướng tâm thành phố Hà Nội, các hệ thống đường vào nhà máy thủy điện Sơn La, Lai Châu, Đồng Nai, Hàm Thuận, Thác Mơ, Buôn Tua Srah, Buôn Kuốp, Đồng Nai 4, Sê San 4...
2. Khảo sát thiết kế nhiều công trình cầu lớn đặc biệt như cầu vượt đầm Thị Nại (2470m), cầu Tân An (413m), cầu Đại Phước (520m). Khảo sát thiết kế một số hầm chui như hầm chui nút giao Kim Liên, hầm chui nút giao Trung tâm hội nghị quốc gia...
3. Tham gia một số công trình giao thông tại Lào, Cam Pu Chia.
4. Liên danh, hợp tác cùng một số công ty nước ngoài như CHODAI, PCI, APECO, KEI, JBSI... tham gia các dự án có vốn đầu tư của WB, ADB, JBIC.
5. Tham gia tư vấn giám sát thi công một số công trình trọng điểm như QL1A đoạn Trung Lương – Mỹ Thuận, đoạn Vinh – Đông Hà, cầu Thanh Trì, cầu Bính, cầu Cần Thơ, hầm Hải Vân...



- Cung cấp nguồn nhân lực trình độ cao, chuyên nghiệp cho các dự án có vốn đầu tư nước ngoài.

Có nguồn nhân lực chuyên nghiệp, có trình độ cao:

Khác với các sản phẩm khác, chất lượng sản phẩm dịch vụ tư vấn thiết kế phụ thuộc chủ yếu vào kinh nghiệm, trình độ của hệ thống nhân lực tham gia dự án. Chất lượng của hệ thống nhân lực tham gia dự án đóng vai trò quyết định đối với sự thành công của dự án và chất lượng của sản phẩm thiết kế. Hiểu rõ điều này, Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế Đường bộ đặt vấn đề phát triển nguồn nhân lực là chiến lược phát triển trọng tâm của công ty. Hiện nay công ty có khoảng 199 người, trong đó có 1 tiến sĩ, 10 thạc sĩ, 119 kỹ sư chuyên ngành, số còn lại là kỹ thuật viên và công nhân khảo sát. Nguồn nhân lực của công ty đạt tiêu chuẩn:



- Luôn tự đào tạo và được đào tạo lại, đảm bảo tính chuyên nghiệp, hiện đại, chịu trách nhiệm cá nhân trước công việc.
- Có trình độ chuyên môn cao, giàu kinh nghiệm, 20% đảm nhận được các chức danh Chủ nhiệm dự án, Chủ nhiệm tổng thể, Chủ nhiệm khảo sát, Chủ nhiệm thiết kế, Tư vấn giám sát trưởng.



- Sử dụng thành thạo các phần mềm chuyên dụng hiện đại như AutoCAD, Land Development Desktop, RM2000, GeoSlope Office, SAP2000...
- Sử dụng thành thạo các thiết bị máy móc tiên tiến như máy toàn đạc điện tử, máy đo GPS, thiết bị điện thám (VEP)...
- Có kỷ luật lao động cao, hoạt động theo hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2000 của công ty.

Có dây chuyền sản xuất tiên tiến và đồng bộ:

Để đảm bảo tính chuyên môn hoá cao, công ty được chia thành các bộ phận hoạt động theo các chuyên ngành riêng, từ khảo sát thu thập số liệu địa hình, địa chất... đến thiết kế cầu, đường, tư vấn giám sát xây dựng. Với một dây chuyền sản xuất khép kín Công ty có thể độc lập chủ động triển khai các dự án đúng tiến độ theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

Đa số các công việc thiết kế, xử lý số liệu cũng như quản lý của công ty đều được thực hiện trên máy tính, bằng các phần mềm chuyên dụng. Hệ thống dữ liệu của công ty được khai thác qua mạng máy tính nội bộ (LAN) và mạng Internet.

Có hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến:

Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế Đường bộ luôn duy trì và phát triển một **hệ thống quản lý hướng khách hàng**, đảm bảo sản phẩm dịch vụ tư vấn có chất lượng cao, phù hợp với nhu cầu của khách hàng, đảm bảo tiến độ và giải quyết tốt, kịp thời các khiếu nại của khách hàng, cụ thể:

- Sử dụng hệ thống quản lý chất lượng lấy khách hàng làm trọng tâm – ISO9001:2008.



2. Có bộ phận kiểm soát chất lượng độc lập với các bộ phận sản xuất kinh doanh, đảm bảo giảm thiểu lỗi, có biện pháp phòng ngừa và khắc phục kịp thời.

Có thị trường lớn, ổn định và không ngừng phát triển:

Các khách hàng truyền thống của công ty không chỉ là Bộ Giao thông vận tải, mà còn có Bộ Quốc phòng, Bộ Công nghiệp, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, ủy ban nhân dân các huyện, tỉnh thành trong cả nước, và cả các công ty tư vấn xây dựng quốc tế được chúng tôi cung cấp nguồn nhân lực.

Thị trường của công ty, trong những năm gần đây, phát triển ổn định cho thấy uy tín của công ty không ngừng tăng cao, các sản phẩm dịch vụ tư vấn do công ty cung cấp có chất lượng vượt trội và phù hợp với nhu cầu của khách hàng.

Tình hình tài chính của công ty tăng trưởng mạnh trong những năm gần đây:

Trong giai đoạn 2008 – 2013, doanh thu của công ty liên tục tăng trưởng, bình quân đạt 8,66% / năm.

Một số thành tích đã đạt được trong những năm gần đây:

- ✓ 01 Huân chương lao động Hạng Nhất
- ✓ 01 Huân chương lao động Hạng Nhì
- ✓ 02 Huân chương lao động Hạng Ba
- ✓ 01 Cờ đơn vị xuất sắc của Chính Phủ
- ✓ 11 Công trình chất lượng cao



Và nhiều huân chương, bằng khen cho các tập thể và cá nhân trong Công ty.

CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG***Công ty cổ phần Tư vấn thiết kế Đường bộ cam kết:***

- 1. Luôn cung cấp các sản phẩm dịch vụ tư vấn có chất lượng cao nhất, đúng tiến độ và phù hợp với nhu cầu của khách hàng.***
- 2. Luôn lắng nghe, giải quyết khiếu nại trong thời gian ngắn nhất.***
- 3. Bảo hành đến cùng các sản phẩm của mình.***

THỐNG KÊ TÀI CHÍNH TỪ NĂM 2009 ĐẾN NĂM 2014

Đơn vị: Triệu đồng

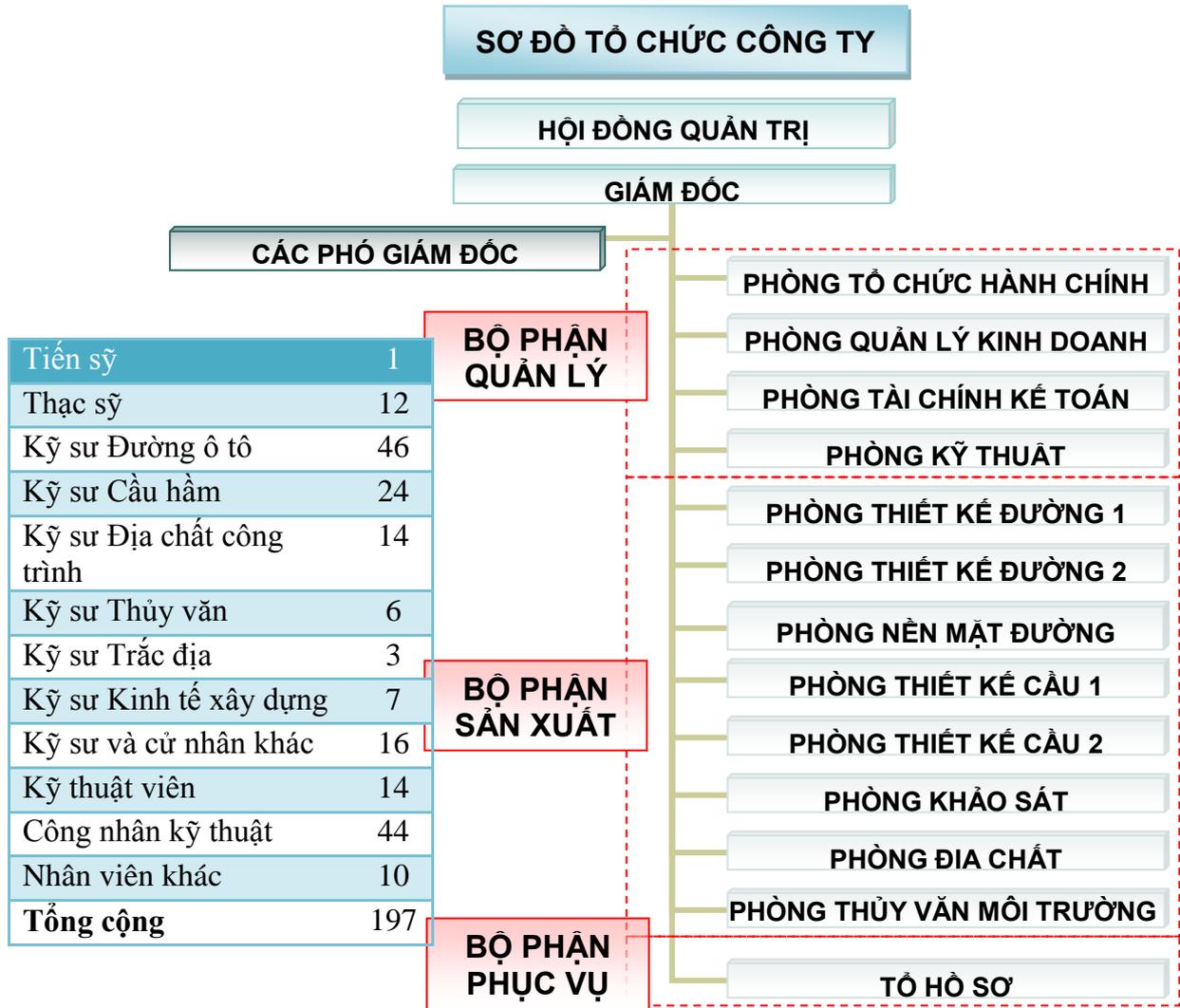
TT	CHỈ TIÊU CHỦ YẾU	NĂM 2009	NĂM 2010	NĂM 2011	NĂM 2012	NĂM 2013	NĂM 2014
1	Doanh thu	63.320	67.862	60.207	60.890	62.013	56.730
2	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	11.550	11.550	11.550	11.550	11.550	11.550
3	Vốn Chủ sở hữu	12.566	12.885	15.785	16.589	17.549	18.632
4	Lợi nhuận sau thuế	2.408	2.548	2.700	3.444	3.134	3.695
5	TNBQ (người/tháng)	10.369	10.389	9.187	9.274	10.427	10.800
6	Nộp ngân sách	7.946	7.755	7.798	7.465	7.285	5.946
7	LN sau thuế/vốn Chủ sở hữu	0,21	0,22	0,17	0,26	0,18	0,20
8	Tỷ lệ % tăng trưởng doanh thu	27,2%	20,5%		1,1%	1,8%	

** Số liệu tài chính trên đã được kiểm toán và kiểm tra thuế.*

CÁC DỊCH VỤ TƯ VẤN XÂY DỰNG

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015225 ngày 28/12/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu Tư Thành phố Hà Nội cấp, Công ty cổ phần Tư vấn thiết kế Đường bộ được phép cung cấp dịch vụ tư vấn điều tra, khảo sát, lập các dự án đường bộ, nút giao thông. Thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công và giám sát xây dựng công trình đường bộ, cụ thể:

- Lập quy hoạch tổng thể, quy hoạch chi tiết giao thông vận tải;
- Lập báo cáo đầu tư xây dựng, dự án đầu tư xây dựng, báo cáo kinh tế kỹ thuật;
- Lập hồ sơ mời thầu, phân tích và đánh giá hồ sơ dự thầu;
- Lập tổng mức đầu tư dự án; lập dự toán và tổng dự toán;
- Thiết kế các công trình giao thông cầu, đường bộ;
- Thiết kế các công trình xây dựng cầu;
- Thiết kế điện chiếu sáng công trình dân dụng, công nghiệp và giao thông;
- Thiết kế biện pháp khảo sát công trình, khảo sát địa chất thủy văn;
- Thiết kế nền, xử lý nền: đối với công trình xây dựng;
- Thẩm tra: Hồ sơ khảo sát, dự án đầu tư, Báo cáo kinh tế kỹ thuật, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán và tổng dự toán;
- Khảo sát địa chất thủy văn, địa chất công trình;
- Khảo sát thủy văn môi trường;
- Khảo sát trắc địa công trình;
- Phân tích, nghiên cứu đánh giá tác động môi trường;
- Điều tra phân tích thu thập các số liệu phục vụ thiết kế các công trình tiện ích giao thông;
- Điều tra thu thập các số liệu về quy hoạch, dân sinh, kinh tế – xã hội, các vấn đề liên quan đến giao thông, nông nghiệp và phát triển nông thôn, xây dựng, công nghiệp;
- Tư vấn giám sát xây dựng công trình giao thông;
- Kiểm định, thử tải công trình;
- Thí nghiệm vật liệu xây dựng và thí nghiệm địa chất công trình;
- Tư vấn quản lý dự án, đầu tư xây dựng (trong phạm vi chứng chỉ cho phép);
- Sửa chữa thiết bị đo đạc.

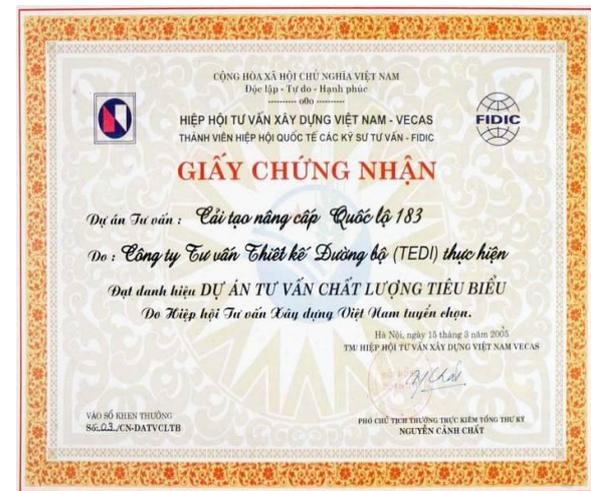
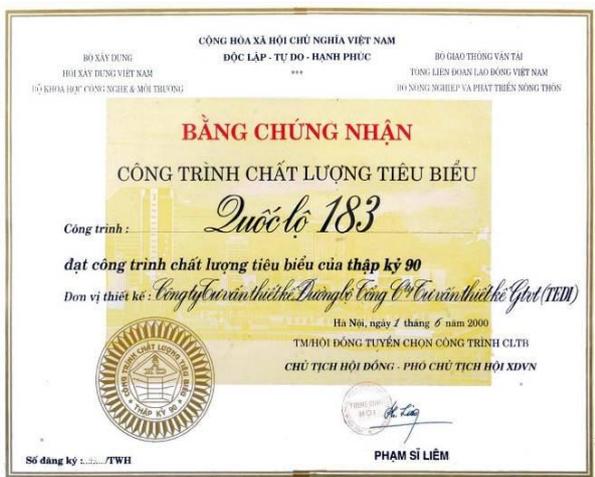
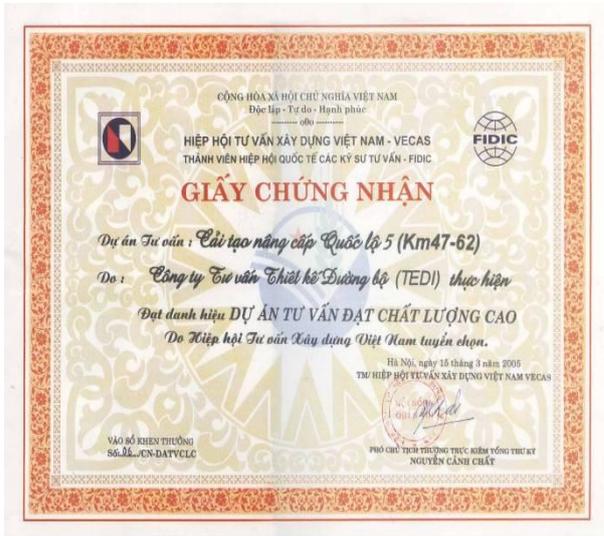


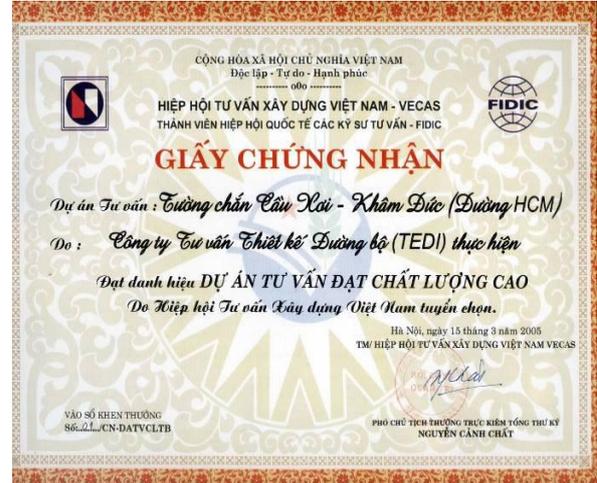
TT	CHỨC VỤ	HỌ VÀ TÊN	HỌC VỊ	ĐT
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Nguyễn Văn Bích	Kỹ sư đường	38513667
2	Giám đốc	Hoàng Văn Thọ	Thạc sỹ cầu	38514229
3	Phó giám đốc	Vũ Văn Chí	Kỹ sư đường	38564371
4	Phó giám đốc	Phạm Duy Khôi	Thạc sỹ cầu	38569806
5	Phó giám đốc	Lê Huy Thắng	Kỹ sư đường	35116276

TT	ĐƠN VỊ	PHỤ TRÁCH	HỌC VỊ	ĐT
1	Phòng Tài chính kế toán	Nguyễn Hương Giang	Cử nhân	35114713
2	Phòng Quản lý kinh doanh	Nguyễn Văn Hiến	Kỹ sư đường	38511271
3	Phòng Tổ chức hành chính	Vũ Thanh Tịnh	Kỹ sư đường	35114714
4	Phòng Kỹ thuật	Bùi Văn Vang	Kỹ sư đường	35116541
5	Phòng Thiết kế đường 1	Nguyễn Mạnh Cường	Kỹ sư đường	35116280
6	Phòng Thiết kế đường 2	Nguyễn Xuân Thủy	Kỹ sư XD	35116275
7	Phòng Thiết kế nền mặt đường	Ứng Việt Cường	Kỹ sư XD	35116279
8	Phòng Thiết kế cầu 1	Lê Hoàng Hà	Tiến sỹ cầu	35116274
9	Phòng Thiết kế cầu 2	Đặng Vũ Tuấn	Kỹ sư cầu	35117268
10	Phòng Địa chất	Nguyễn Hoạch Nguyên	Kỹ sư địa chất	35116277
11	Phòng Khảo sát	Khổng Việt Trung	Kỹ sư KTXD	35116278
12	Phòng Thủy văn – Môi trường	Ngô Văn Hùng	Kỹ sư thủy lợi	090406012
13	Tổ Hồ sơ	Đình Vương Sung	Công nhân	38514431

CÁC CÔNG TRÌNH ĐƯỢC CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG CAO – CHẤT LƯỢNG TIÊU BIỂU

TT	TÊN CÔNG TRÌNH	NĂM THỰC HIỆN	CƠ QUAN CẤP BẰNG CHỨNG NHẬN
1	Đường Quy Nhơn – Sông Cầu	1996	Bộ Giao thông vận tải
2	Cầu Đông Hà tỉnh Quảng Trị	1991	Hội xây dựng Việt Nam
3	Quốc lộ 5, đoạn Km47 – Km62	1993	Hội xây dựng Việt Nam Hiệp hội tư vấn xây dựng Việt Nam
4	Quốc lộ 183	1994	Hội xây dựng Việt Nam Hiệp hội tư vấn xây dựng Việt Nam
5	Đường Bắc Thăng Long – Nội Bài	1992	Hội xây dựng Việt Nam
6	Cầu Xuân Sơn trên đường Hồ Chí Minh	2000	Hiệp hội tư vấn xây dựng Việt Nam
7	Tường chắn đoạn Cầu Xoi – Khâm Đức trên đường Hồ Chí Minh	2002	Bộ Giao thông vận tải Hiệp hội tư vấn xây dựng Việt Nam
8	Tuyến tránh thị xã Tân An và cầu Tân An Quốc lộ 1A	2004	Hiệp hội tư vấn xây dựng Việt Nam





PHẦN II:

CÁC DỊCH VỤ TƯ VẤN TIÊU BIỂU ĐÃ THỰC HIỆN

KHẢO SÁT THIẾT KẾ CẦU, HÀM MỘT SỐ CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU

(tỷ đồng)

TT	Tên công trình	Quy mô (m)	Sơ đồ nhịp (m)	Bước thiết kế	Năm KSTK	Kinh phí XL
1	Cầu vượt đầm Thị Nại, tỉnh Bình Định	Dài 2470 Rộng 14,5	25x40+(70+3 x 120+70)+24x40	BCNCKT, TKKT, BVTC	2001 2002	324
	<ul style="list-style-type: none"> - Cầu vượt biển bằng BTCT DƯL có chiều dài lớn nhất tại Việt Nam. - Nối liền thành phố Quy Nhơn với khu đô thị mới trên bán đảo Nhơn Hội. - Tỉnh không thông thuyền: Sông cấp II, B = 60m, H = 9m - Kết cấu nhịp: Dầm hộp liên tục BTCT DƯL đúc hẫng cân bằng. Dầm giản đơn Super "T". - Kết cấu móng: Cọc khoan nhồi D = 1,5m và D = 1,2m. 					
2	Cầu Tân An, quốc lộ 1A	Dài 413 Rộng 12	2x38+(70+110+ 70)+2x38	BCNCKT, TKKT	2002	45
	<ul style="list-style-type: none"> - Cầu nằm trên tuyến tránh thị xã Tân An, vượt qua sông Vàm Cỏ Tây. - Tỉnh không thông thuyền: Sông cấp III, B = 50m, H = 7m - Kết cấu nhịp: Dầm hộp liên tục BTCT DƯL đúc hẫng cân bằng và dầm giản đơn Super "T". - Kết cấu móng: Cọc khoan nhồi D = 1,5m và D = 1m. - Cầu đã được thi công hoàn thành tháng 12-2003. 					
3	Cầu Cửa Tùng, tỉnh Quảng Trị	Dài 460 Rộng 9	(65+3x105+65)	BCNCKT, TKKT, BVTC	2002 2003	42
	<ul style="list-style-type: none"> - Vị trí cầu nằm sát cửa biển, nối liền 2 huyện Vĩnh Linh và Gio Linh. - Tỉnh không thông thuyền: B = 50m, H = 8,5m (tàu đánh cá) - Kết cấu nhịp: Dầm hộp liên tục, 5 nhịp BTCT DƯL đúc hẫng cân bằng. - Kết cấu móng: Cọc khoan nhồi D = 1,5m. 					
4	Cầu Cửa Lấp, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	Dài 722 Rộng 12	5x33+(43,5+63 +43,5)+12x33	BCNCKT, TKKT BVTC	2000 2001	68
	<ul style="list-style-type: none"> - Vị trí cầu gần cửa biển, nằm trên đường ven biển Vũng Tàu – Long Hải – Bình Châu - Tỉnh không thông thuyền: B = 50m, H = 7m. - Kết cấu nhịp: Dầm khung chữ T BTCT DƯL có nhịp đeo và dầm giản đơn BTCT DƯL. - Kết cấu móng: Cọc khoan nhồi D = 1m. - Cầu đã được thi công hoàn thành năm 2006. 					
6	Cầu Cát Hải, đường Tân Vũ – Lạch Huyện	Dài 5442 Rộng 28,5	Nhịp 300 m 150m	DADT	2008	
	<ul style="list-style-type: none"> - Công ty CP TVTK Đường bộ liên danh với JBSI và HyDer - Cầu vượt biển từ Đình Vũ đi Lạch Huyện. - Tỉnh không dưới cầu: 80m x 50m. - Kết cấu nhịp: Cầu dây văng và dầm hộp liên tục BTCTUST đúc hẫng cân bằng. - Kết cấu móng: Cọc khoan nhồi D = 1,5 - 2,5m 					
7	Cầu Đại Phước, tỉnh Đồng Nai	Dài 525 Rộng 14,5	4x33+(70+110+ 70)+4x33	BCNCKT, TKKT BVTC	2003 2004	108

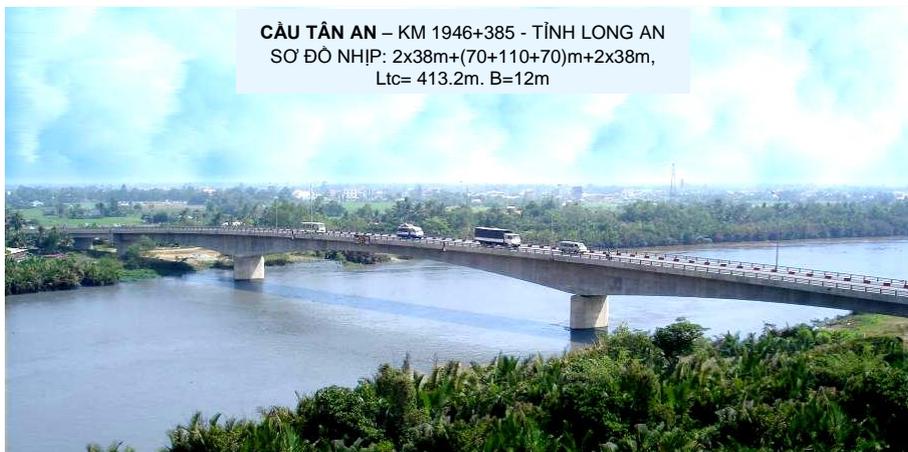
TT	Tên công trình	Quy mô (m)	Sơ đồ nhịp (m)	Bước thiết kế	Năm KSTK	Kinh phí XL
	<ul style="list-style-type: none"> – Cầu vượt qua sông Cái vào khu đô thị du lịch Đại Phước. – Tĩnh không thông thuyền: B = 50m, H = 7m. – Kết cấu nhịp: Dầm hộp liên tục BTCT DƯỠ đúc hẫng cân bằng và dầm giản đơn BTCT DƯỠ. – Kết cấu móng: Cọc khoan nhồi D = 1,5m và D = 1,2m. 					
8	Cầu Đại Ngãi, đường Nam Sông Hậu	Dài 477 Rộng 12	4x33+(55+90 + 55)+4x33	TKKT	2005	104
	<ul style="list-style-type: none"> – Cầu vượt qua sông Đồng Nai thuộc địa phận tỉnh Sóc Trăng. – Tĩnh không thông thuyền: B = 50m, H = 7m. – Kết cấu nhịp: Dầm hộp liên tục BTCT DƯỠ đúc hẫng cân bằng và dầm giản đơn BTCT DƯỠ. – Kết cấu móng: Cọc khoan nhồi D = 1,5m và D = 1,2m. 					
9	Cầu vượt nút giao Phú Đô	Dài 321 Rộng 11	30+7x36+30	TKKT BVTC	2005	38
	<ul style="list-style-type: none"> – Cầu vượt qua 2 đường cao tốc thuộc dự án mở rộng và hoàn thiện đường Láng-Hòa Lạc. – Tĩnh không dưới cầu: H = 4,75m. – Kết cấu nhịp: Dầm bản rỗng liên tục 9 nhịp BTCT DƯỠ bố trí trên đường cong. – Kết cấu móng: Cọc khoan nhồi D = 1,5m. 					
10	Cầu Lai Hà	Dài 296 Rộng 9	75,5+130+75,5	TKKT BVTC	2008- 2009	140
	<ul style="list-style-type: none"> – Cầu nằm trên tuyến tránh ngập vào nhà máy thủy điện Lai Châu. – Kết cấu nhịp: Dầm hộp liên tục BTCT DƯỠ đúc hẫng cân bằng. – Kết cấu móng: Cọc khoan nhồi D = 1,5 – 2,0m. Trụ cao 60m. 					
11	Cầu vượt nút Cái Lân	Dài 508,5 Rộng 22- 10	Cầu chính 2x33+2x31+3 x 33 2 cầu nhánh 4x33	TKKT	2002 2003	66
	<ul style="list-style-type: none"> – Cầu vượt qua QL18 và đường sắt, có 2 nhánh rẽ. – Tĩnh không dưới cầu: H = 6,55m và 4,5m. – Kết cấu nhịp: Dầm bản rỗng BTCT DƯỠ và giản đơn BTCT DƯỠ. – Kết cấu móng: Cọc khoan nhồi D = 1,2m 					
12	Cầu Mường La 2	Dài 482 Rộng 8	11 x 42	BCNCKT, TKKTTC	2004	43
	<ul style="list-style-type: none"> – Cầu vượt qua sông Đà phục vụ thi công NMTĐ Sơn La. Tải trọng H30 – XB80. – Kết cấu nhịp: Dầm giản đơn thép liên hợp bản BTCT. – Kết cấu móng: Cọc khoan nhồi D = 2m. 					
13	Cầu Sông Giẽ	Dài 266 Rộng 34,5	6 x 42	TKKT	2005	99
	<ul style="list-style-type: none"> – Cầu vượt Sông Giẽ, Dự án đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình, địa phận tỉnh Hà Tây. – Kết cấu nhịp: Dầm giản đơn BTCT DƯỠ có mối nối liên tục tại các trụ. – Kết cấu móng: Cọc khoan nhồi D = 1,5m. – Xử lý đất yếu đường 2 đầu cầu bằng giằng cát. 					
14	Cầu vượt Vực Vòng	Dài 244 Rộng 34,5	7 x 33	TKKT	2005	87

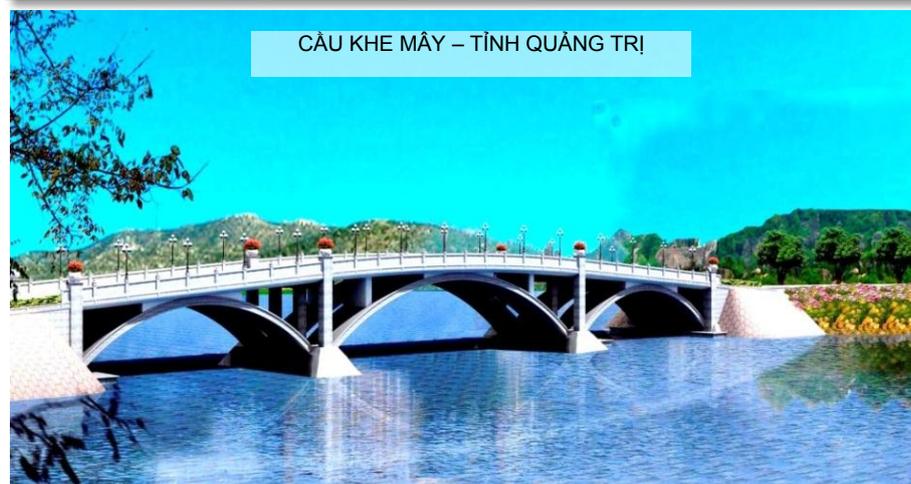
TT	Tên công trình	Quy mô (m)	Sơ đồ nhịp (m)	Bước thiết kế	Năm KSTK	Kinh phí XL
	<ul style="list-style-type: none"> - Cầu nằm trên đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình, địa phận tỉnh Hà Nam. - Tĩnh không dưới cầu: H = 4,5m. - Kết cấu nhịp: Dầm giản đơn BTCT DƯL. - Kết cấu móng: Cọc khoan nhồi D = 1,5m. 					
15	140 cầu yếu	Tổng chiều dài các cầu Rộng	9363 9, 12, 22, 27	BCNCKT TKKT	2004 2005	1423
	<ul style="list-style-type: none"> - Công ty TVTK Đường bộ làm tổng thể bước TKKT 140 cầu yếu thuộc Dự án tín dụng ngành GTVT để cải tạo mạng lưới đường quốc gia với sự tham gia của 9 đơn vị TVTK - Vị trí các cầu tại 38 tỉnh, thành phố trong cả nước. - Công ty TVTK Đường bộ thực hiện TKKT 13 cầu trong đó có cầu Cây Dương dài 352m rộng 12m sơ đồ: 3x33+(42+63+42)+3x33 (m) dầm hộp liên tục BTCT DƯL. Móng cọc khoan nhồi D = 1,2m. 					
16	Hầm chui Trung tâm Hội nghị quốc gia	Dài 545 Rộng 2x17,25		TKKT BVTC	2005	157
	<ul style="list-style-type: none"> - Hầm nằm trên 2 đường cao tốc chui qua nút giao TTHNQG thuộc Dự án mở rộng và hoàn thiện đường Láng – Hòa Lạc, địa phận TP. Hà Nội. - Chiều cao tính không đoạn hầm kín: 4,75m - Kết cấu hầm: Bê tông cốt thép đổ tại chỗ. 					
17	Hầm chui Đại học Tây Nam	Dài 426 Rộng 19,5		TKKT BVTC	2005	69
	<ul style="list-style-type: none"> - Hầm nằm trên đường ngang chui qua đường Láng – Hòa Lạc, địa phận TP. Hà Nội. - Chiều cao tính không đoạn hầm kín: 4,5m. - Kết cấu hầm: Bê tông cốt thép đổ tại chỗ và BTCT DƯL lắp ghép. - Kết cấu móng: Cọc BTCT 40x40cm và móng trên nền thiên nhiên có xử lý cọc cát. 					
18	Cầu Sông Lô	Dài 518 Rộng 7,5	3x42+(70+110+ 70)+3x42	DAĐT TKKT	2007 2008	219
	<ul style="list-style-type: none"> - Cầu vượt qua Sông Lô, nối liền mạng lưới giao thông phía bờ hữu gồm các trục đường quan trọng: Quốc lộ 2, Quốc lộ 70, đường Chiến Thắng Sông Lô với bờ Tả, đáp ứng nhu cầu vận tải và giao lưu giữa 2 tỉnh Phú Thọ, Tuyên Quang - Tĩnh không thông thuyền: B = 80m, H = 6m. - Kết cấu nhịp: Dầm hộp liên tục BTCT DƯL đúc hẫng cân bằng và dầm giản đơn liên tục nhiệt. - Kết cấu móng: Cọc khoan nhồi D = 1,2 – 1,5m 					
19	Cầu Kênh Lộ	Dài 375 Rộng 10,5	3x33+(48+72 + 48)+3x33	BVTC	2008	214
	<ul style="list-style-type: none"> - Cầu vượt Sông Rạch Giồng, nằm trên đường nối từ đường Nguyễn Văn Linh đến khu công nghiệp Hiệp Phước. Vị trí cầu thuộc xã Hiệp Phước huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh. - Tĩnh không thông thuyền: B = 40m, H = 6m. - Kết cấu nhịp: Dầm hộp liên tục BTCT DƯL đúc hẫng cân bằng và dầm giản đơn BTCT DƯL liên tục nhiệt - Kết cấu móng: Cọc khoan nhồi D = 1,2 – 1,5m 					
20	Cầu Tà Vinh	Dài 327 Rộng 9	33+(75,5+130+ 75,5)	DAĐT BVTC	2008 2009	131

TT	Tên công trình	Quy mô (m)	Sơ đồ nhịp (m)	Bước thiết kế	Năm KSTK	Kinh phí XL
	<ul style="list-style-type: none"> - Cầu vượt Sông Tà Vinh, nằm trên đường tránh ngập Quốc lộ 4D, Dự án thủy điện Sông Bung 4, thuộc tỉnh Quảng Nam. - Kết cấu nhịp: Dầm hộp BTCT DUỖ liên tục đúc hẫng cân bằng và dầm giản đơn BTCT DUỖ. - Kết cấu móng: Trụ dùng móng cọc khoan nhồi D = 2m, móng dùng móng trên nền thiên nhiên. 					
21	Cầu Sông Đáy	Dài 537 Rộng 42	3x33+(48+72+4 8)+3x33	DAĐT	2007 2008	743
	<ul style="list-style-type: none"> - Cầu nằm trên đường trục phát triển kinh tế xã hội Bắc Nam, tỉnh Hà Tây vượt qua sông Đáy - Kết cấu nhịp: Nhịp chính dùng dầm hộp BTCT DUỖ liên tục đúc hẫng cân bằng. Nhịp dẫn dùng dầm giản đơn BTCT DUỖ Super “T” liên tục nhiệt. - Kết cấu móng: Cọc khoan nhồi D = 1,2 – 1,5m 					
22	Cầu Quốc lộ 32 vượt	Dài 306 Rộng 26,5	(30+45+3x30 + 45+30)	DAĐT	2007 2008	274
	<ul style="list-style-type: none"> - Cầu nằm trên Quốc lộ 32 vượt qua đường trục phát triển kinh tế xã hội Bắc Nam, tỉnh Hà Tây. - Kết cấu nhịp: Dầm hộp BTCT DUỖ liên tục, đỡ tại chỗ trên đà giáo. - Kết cấu móng: Cọc khoan nhồi D = 1,2m 					
23	Cầu Hàn	Dài 764 Rộng 15	39,15+5x40+39,1 5+(70+2x110+70) +39,15+40+39,15	BVTC	2009	284
	<ul style="list-style-type: none"> - Cầu vượt qua sông Thái Bình, thuộc địa phận tỉnh Hải Dương. - Thông thuyền: sông cấp III, BxH = 50m x 7m. - Nhánh chính: Dầm hộp liên tục 4 nhịp BTCT DUỖ đúc hẫng cân bằng. - Nhịp dẫn: Dầm Super “T” BTCT DUỖ, nối liên tục nhiệt. - Kết cấu móng: Cọc khoan nhồi D = 1,5m – 1,0m 					
24	Cầu Yên Dũng	Dài 569 Rộng 22,5	6x38+(70+110+70) +2x38	DAĐT BVTC	2008 2009	246
	<ul style="list-style-type: none"> - Cầu vượt qua sông Cầu, thuộc địa phận tỉnh Bắc Giang và Bắc Ninh. - Thông thuyền: sông cấp III, BxH = 50m x 7m. - Nhánh chính: Dầm hộp liên tục BTCT DUỖ đúc hẫng cân bằng. - Nhịp dẫn: Dầm Super “T” BTCT DUỖ, nối liên tục nhiệt. - Kết cấu móng: Cọc khoan nhồi D = 1,5m – 1,2m 					
25	Cầu qua sông Đà	Dài 316 Rộng 8,0	7 x 42	TKKT BVTC	2008	53
	<ul style="list-style-type: none"> - Cầu vượt qua sông Đà, tỉnh Lai Châu. - Kết cấu nhịp: dầm thép liên hợp bản BTCT. - Kết cấu móng: Cọc khoan nhồi D = 2,5m. 					
26	Cầu vượt nút giao QL5, Km57+170.	Dài 246,9 Rộng 12- 13,25m	Cầu chính: 30+2x35+40,5+2x 35+30 2 Cầu nhánh vượt đường sắt: 27+2x33+35 và 30+2x35+40 2 cầu nhánh quay đầu: 1x30	DAĐT BVTC	2011 2012	350

TT	Tên công trình	Quy mô (m)	Sơ đồ nhịp (m)	Bước thiết kế	Năm KSTK	Kinh phí XL
-	Cầu chính vượt QL5 tại Km57+170, 4 cầu nhánh vượt đường sắt HN-HP và quay đầu.					
-	Tĩnh không dưới cầu: H=6m, và H=4,75m.					
-	Kết cấu nhịp: Dầm hộp BTCT DƯL liên tục đúc trên đà giáo.					
-	Kết cấu móng: Móng cọc khoan nhồi D = 1,2m.					

MỘT SỐ HÌNH ẢNH CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU





KHẢO SÁT THIẾT KẾ ĐƯỜNG Ô TÔ MỘT SỐ DỰ ÁN TIÊU BIỂU

1. HỆ THỐNG CÁC ĐƯỜNG CAO TỐC

TT	Tên Công trình / Dự án	Quy mô	Chiều dài	Bước thiết kế	Năm	GTXL (tỷ)
1	Đường ô tô cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình	Rộng 35,5m, 6 làn xe cơ giới, Vtk = 100-120km/h	60km	BCNCKT, TKKT	2004, 2005	1.440
	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo nghiên cứu khả thi: do Công ty CP TVTK Đường bộ lập toàn bộ. Khảo sát, thiết kế, so sánh, lựa chọn phương án vị trí tối ưu của tuyến đường (giữa phương án đi về phía đông và phương án đi về phía tây), quyết định hướng tuyến tổng quát của đường cao tốc đi song song quốc lộ 1 khu vực Bắc Bộ. - Thiết kế kỹ thuật: Công ty CP TVTK Đường bộ thực hiện chức năng tổng thể cả dự án, đưa ra khung tiêu chuẩn của dự án, kết cấu áo đường cấp cao và thiết kế chi tiết 12 km đoạn Km210-Km222. Trong đó có 1 nút giao khác mức hoàn chỉnh, 3 cầu lớn. - Thiết kế xử lý đất yếu: gần như toàn bộ tuyến đường được xây dựng trên nền đất yếu, chiều dày lớp đất yếu lên đến 30-40%. 					
2	Đường ô tô cao tốc Láng - Hòa Lạc (K1+800 - K11+620)	Rộng 140m, 6 làn xe cao tốc, 6 làn xe đô thị, Vtk = 120km/h	9,8km	TKKT, BVTC	2005, 2006	1.410
	<ul style="list-style-type: none"> - Là đường cao tốc có quy mô lớn nhất tính đến thời điểm hiện tại. - Tổ chức giao thông cao tốc đô thị hoàn chỉnh, bao gồm phần đường cao tốc dành cho các hành trình dài và đường đô thị dành cho các hành trình ngắn, nội bộ. - Nút giao trung tâm hội nghị quốc gia: <ul style="list-style-type: none"> + Tổ chức giao thông khác cao độ, vừa đảm bảo năng lực thông hành của nút giao, vừa đảm bảo tạo nên một không gian kiến trúc khu vực Trung tâm Hội nghị quốc gia đẹp, hiện đại. + Xây dựng 2 hầm chui cho 2 hướng đi thẳng của phần cao tốc, hầm dài 545m, rộng 2 x 17,25m. 					
3	Đường ô tô cao tốc Hà Nội - Hải Phòng	Rộng 35m, 4 làn xe cơ giới, Vtk = 100km/h	102,5	DADT	2006	13483
	<ul style="list-style-type: none"> - Thiết kế hiện đại, có bố trí trạm thu phí tự động và thu phí khép kín trên toàn bộ tuyến đường (là hình thức thu phí mới, dự kiến áp dụng lần đầu tiên ở Việt Nam). Trên tuyến có bố trí đầy đủ các công trình như Nhà điều hành trung tâm, bến xe tĩnh, trạm điện thoại, khu dịch vụ...nhằm phục vụ một cách tốt nhất đối với người tham gia giao thông. - Tổng chiều dài tuyến đường 102,5km, Rộng 35m, 4(6) làn xe cao tốc. - Các giao cắt trên tuyến: 13 nút giao liên thông, 6 giao cắt trực thông. - 29 cầu lớn, 20 cầu trung, tổng số 11.360m dài cầu. - 74% tuyến đi trên đất yếu với chiều dày xử lý từ 20-30m. - Công ty CP TVTK Đường bộ thực hiện chức năng tổng thể cả dự án, đưa ra khung tiêu chuẩn của dự án, kết cấu áo đường cấp cao và thiết kế chi tiết 49 km (đoạn Km24+700 - Km61+500 và đoạn Km75 - Km87). 					
4	Đường ô tô cao tốc Bắc Thăng Long - Nội Bài	Rộng 23m, 4 làn xe cơ giới, Vtk = 100km/h	20	BCNCKT, TKKT	1992	

TT	Tên Công trình / Dự án	Quy mô	Chiều dài	Bước thiết kế	Năm	GTXL (tỷ)
						<ul style="list-style-type: none"> – Là tuyến đường ô tô cao tốc đầu tiên của Việt Nam (đạt vận tốc thiết kế 120km/h). – Là tuyến đường đầu tiên áp dụng vật liệu cấp phối đá dăm vào xây dựng mặt đường. – Là tuyến đường đầu tiên áp dụng công nghệ xử lý nền đất yếu bằng giồng cát.
5	Đường ô tô cao tốc Dầu Giây – Liên Khương	Rộng 27m, 4 làn xe cơ giới, Vtk = 60, 80, 100, 120 km/h	189	BCNCKT, DAĐT	2005, 2009	20227
						<ul style="list-style-type: none"> – Lập BCNCKT toàn bộ dự án. – Lập DAĐT đoạn Km70 – Km134: tránh toàn bộ đèo Bảo Lộc và đèo Chuối (đoạn khó khăn nhất trong toàn bộ dự án). – Quy mô: Đường ô tô cao tốc loại A, cấp 120, 100 (áp dụng cấp 80, 60 cho các đoạn khó khăn), mặt cắt ngang 27m gồm 4 làn xe và hai dải dừng xe khẩn cấp. – Trên tuyến có tổng số 30 nút giao, trong đó: 15 nút giao liên thông, 15 giao cắt trực thông. – Trên tuyến có tổng số 67 cầu với tổng chiều dài 6866 m, trong đó: cầu lớn: 23cầu/5237m; cầu trung, cầu nhỏ: 44/1629m.
6	Đường ô tô cao tốc Móng Cái – Dương	Rộng 24 / 31,5 m, 4 / 6 làn xe cơ giới, Vtk = 60, 80, 100, 120 km/h	131	BCĐT	2008	9856
						<ul style="list-style-type: none"> – Đoạn Km166 – Km262+729 có quy mô đầu tư 4 làn xe cơ giới rộng 24 m; Đoạn Km262+729 – Km279+910 có quy mô đầu tư 6 làn xe cơ giới rộng 31,5 m. – Trên tuyến có tổng số 67 cầu với tổng chiều dài 6866 m, trong đó có 16 cầu lớn với tổng chiều dài 7357 m; 29 cầu trung và cầu nhỏ với tổng chiều dài 1150 m. – Trên tuyến có 9 nút giao khác mức liên thông và 2 nút giao khác mức trực thông.

2. HỆ THỐNG CÁC ĐƯỜNG ĐÔ THỊ HIỆN ĐẠI

TT	Tên Công trình / Dự án	Quy mô	Chiều dài	Bước thiết kế	Năm	GTXL (tỷ)
1	Đường vành đai III thành phố Hà Nội, đoạn Mai Dịch – Nội Bài	Rộng 120m, 6 làn xe cơ giới, Vtk = 100km/h	14,6	DAĐT	2006	2700
						<ul style="list-style-type: none"> – Là tuyến đường cao tốc đô thị (100km/h) được đầu tư hoàn chỉnh, bao gồm phần cao tốc dành cho các hành trình dài và phần đường đô thị dành cho các hành trình ngắn, nội bộ. – Hệ thống giao thông khác mức được thiết kế hoàn chỉnh với phương án tổ chức giao thông hợp lý (8 nút). – Hệ thống công chui, hầm chui dân sinh được nghiên cứu đầy đủ. – Phù hợp với quy hoạch của thành phố Hà Nội.
2	Đường vành đai IV thành phố Hà Nội, đoạn Tiên Du – Sóc Sơn	Rộng 100m, 8 làn xe cơ giới, Vtk = 120km/h	43	DAĐT	2002	-
						<ul style="list-style-type: none"> – Là tuyến đường cao tốc đô thị (100km/h) được đầu tư hoàn chỉnh, bao gồm phần cao tốc dành cho các hành trình dài và phần đường đô thị dành cho các hành trình ngắn, nội bộ. – Hệ thống giao thông khác mức được thiết kế hoàn chỉnh với phương án tổ chức giao thông hợp lý (4 nút giao khác mức, 8 cầu lớn với tổng chiều dài 3100m). – Hệ thống công chui, hầm chui dân sinh được nghiên cứu đầy đủ.

TT	Tên Công trình / Dự án	Quy mô	Chiều dài	Bước thiết kế	Năm	GTXL (tỷ)
3	Đường vành đai I thành phố Hà Nội, đoạn Kim Liên – Ô Chợ Dừa	Rộng 50m, 6 làn xe cơ giới Vtk = 80km/h	1,1	BCNCKT	2005	773
	<ul style="list-style-type: none"> – Đoạn tuyến Kim Liên – Ô Chợ Dừa dài 1180m, mặt cắt rộng 50m có vị trí quan trọng trong việc hoàn chỉnh tuyến đường vành đai I theo quy hoạch, giải quyết tình trạng ách tắc giao thông hiện nay giữa hai khu vực đông và tây thành phố. Đây là một trong các công trình trọng điểm của thành phố hướng tới kỷ niệm Thăng Long – Hà Nội nghìn năm tuổi. – Tổng mức vốn đầu tư cho công trình là 773 tỷ đồng, bao gồm vốn trong nước và vốn vay ODA. Trong đó gói thầu xây lắp có giá trị 100 tỷ đồng. 					
4	Nút giao thông khác mức Kim Liên thành phố Hà Nội	Nút giao khác mức đô thị, xây dựng hầm chui cơ giới	-	BCNCKT	2000	-
	<ul style="list-style-type: none"> – Do đặc thù của nút giao là cắt qua tuyến đường sắt Bắc Nam, trong tương lai sẽ là tuyến đường sắt trên cao, nên vấn đề thiết kế nút giao thông, tổ chức giao thông rất phức tạp. – Hầm theo hướng đường Đại Cồ Việt-Kim Liên dài 644,69m (hầm kín 140m, hầm hở 405m, đường dẫn 99,69m, rộng 18,5m, cao 6,25m), chiều cao thông xe trong hầm 4,75m. – Hầm cho người đi bộ gồm hai nhánh cắt qua đường Lê Duẩn và đường Giải Phóng dài tổng cộng 90m. 					
5	Nút giao thông khác mức Ngã tư Vọng thành phố Hà Nội	Nút giao khác mức đô thị, xây dựng cầu vượt cơ giới	-	BCNCKT	2000	200
	<ul style="list-style-type: none"> – Cũng như nút giao Kim Liên, đặc thù của nút giao này là cắt qua tuyến đường sắt Bắc Nam (đường Trường Chinh), trong tương lai sẽ là tuyến đường sắt trên cao, nên vấn đề thiết kế nút giao thông, tổ chức giao thông rất phức tạp. – Trong bước lập BCNCKT, Công ty TVTK Đường bộ đã tiến hành tính toán chi tiết, thiết kế nhiều phương án nút giao, so sánh đánh giá từng phương án và đề xuất phương án nút hiện nay đã được đưa vào sử dụng. 					
6	Đường trục phát triển phía bắc thành phố Hà Đông tỉnh Hà Tây	Rộng 40m, 4 làn xe cơ giới Vtk = 80km/h	5,1	DAĐT, TKKT	2007	520
	<p>Đường trục này nối tiếp đường Lê Văn Lương thành phố Hà Nội, chạy dọc phía bắc thành phố Hà Đông và nối liền vào đường Vành đai IV, được đầu tư theo quy mô đường phố chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Tổng chiều dài: 5,1km. Quy mô: 4 làn xe cơ giới, rộng 40m. – Tốc độ thiết kế: 80km/h. – Mặt đường BTN cấp cao A1, đảm bảo Eyc = 165 MPa. 					
7	Đường trục phát triển kinh tế – xã hội Bắc Nam tỉnh Hà Tây	Rộng 150m, 14 làn xe cơ giới Vtk = 80km/h	63,3	DAĐT, TKKT	2008	17000
	<p>Đường trục phát triển kinh tế – xã hội Bắc Nam tỉnh Hà Tây là đường trục lớn nhất, chạy dọc theo hướng Bắc – Nam tỉnh, có vai trò đặc biệt quan trọng đối với công cuộc phát triển kinh tế xã hội của tỉnh cũng như của vùng Thủ đô, được đầu tư theo quy mô đường phố chính chủ yếu, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Tổng chiều dài: 63,3km. Quy mô: 14 làn xe cơ giới và 4 làn xe hỗn hợp, rộng 150m. – Tốc độ thiết kế: 80km/h. – Mặt đường BTN cấp cao A1, đảm bảo Eyc = 165 MPa. 					

TT	Tên Công trình / Dự án	Quy mô	Chiều dài	Bước thiết kế	Năm	GTXL (tỷ)
8	Đường 499 tỉnh Hà Nam	Rộng 27 m, 4 làn xe cơ giới Vtk = 80 km/h	13,5	DADT	2008	787,6
	<ul style="list-style-type: none"> Đường tỉnh 499, đoạn từ ngã ba Chợ Sông đến đê sông Hồng, là một phần thuộc tuyến đường liên tỉnh nối Hà Nam - Thái Bình và đường cao tốc cầu Giẽ – Ninh Bình. Tuyến đường sau khi thiết kế đảm nhận cả 2 vai trò: vừa là đường liên tỉnh, vừa là đường trục chính đô thị. Tuyến đường được thiết kế theo tiêu chuẩn đường phố chính đô thị cấp II, được xây dựng với quy mô 4 làn xe cơ giới, nền đường rộng 27 m. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật (via hè, thoát nước, chiếu sáng, tụy nen kỹ thuật) được thiết kế đồng bộ. 					
9	Vành đai thành phố Phủ Lý tỉnh Hà nam, tuyến N1, N2	Rộng 27-42m, 4-6 làn xe cơ giới Vtk = 80km/h	8,8	BCNCKT, TKKT	2005	288
	<ul style="list-style-type: none"> Kéo dài từ QL21A đến QL1A, là tuyến đường vành đai đô thị của thành phố Phủ Lý tỉnh Hà Nam. Tuyến đường được thiết kế theo tiêu chuẩn đường phố chính đô thị cấp II, mặt đường BTN cấp cao ($E_{yc} = 1530 \text{ daN/cm}^2$). Hệ thống hạ tầng kỹ thuật (via hè, thoát nước, chiếu sáng, tụy nen kỹ thuật) được thiết kế đồng bộ. 					
10	Đường 62m kéo dài thành phố Hải Dương	Rộng 62m, 6 làn xe cơ giới, Vtk = 80km/h	4,2	BCNCKT, TKKT	2005	330
	<ul style="list-style-type: none"> Đường 62m là tuyến đường trục chính nối liền trung tâm thành phố Hải Dương và huyện Gia Lộc, trong tương lai là đường nối trục cao tốc Hà Nội – Hải Phòng và QL5. Tuyến đường được thiết kế theo tiêu chuẩn đường phố chính đô thị cấp II, mặt đường BTN cấp cao ($E_{yc} = 1800 \text{ daN/cm}^2$). Giai đoạn 1 tuyến đường rộng 33m, 4 làn xe cơ giới với tổng mức đầu tư là 224 tỷ đồng. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật (via hè, thoát nước, chiếu sáng, tụy nen kỹ thuật) được thiết kế đồng bộ. 					
11	Đường 52m kéo dài thành phố Hải Dương	Rộng 52m, 4 làn xe cơ giới, Vtk = 60km/h	1,4	BCNCKT, TKKT	2005, 2006	
	<ul style="list-style-type: none"> Đường 52m dài 1,4 km, là tuyến đường trục chính đô thị thành phố Hải Dương. Tuyến đường được thiết kế theo tiêu chuẩn đường phố chính đô thị cấp II, mặt đường BTN cấp cao ($E_{yc} = 1800 \text{ daN/cm}^2$). Hệ thống hạ tầng kỹ thuật (via hè, thoát nước, chiếu sáng, tụy nen kỹ thuật) được thiết kế đồng bộ. 					
12	Đại lộ Thịnh Lang thành phố Hòa Bình	Rộng 36m, 6 làn xe cơ giới, Vtk = 60km/h	1,8	BCNCKT	2006	43
	<ul style="list-style-type: none"> Đại lộ Thịnh Lang dài 1,8 km, là đường trục chính phía đông thành phố Hòa Bình. Tuyến đường được thiết kế theo tiêu chuẩn đường phố chính đô thị cấp II, mặt đường BTN cấp cao ($E_{yc} = 1530 \text{ daN/cm}^2$). Hệ thống hạ tầng kỹ thuật (via hè, thoát nước, chiếu sáng, tụy nen kỹ thuật) được thiết kế đồng bộ. 					

TT	Tên Công trình / Dự án	Quy mô	Chiều dài	Bước thiết kế	Năm	GTXL (tỷ)
13	Đường Chi Lăng kéo dài thành phố Hòa Bình	Rộng 36m, 6 làn xe cơ giới, Vtk = 60km/h	1,4	BVTC	2008	46,23
	<ul style="list-style-type: none"> – Đường Chi Lăng kéo dài (giai đoạn 1) dài 1,4 km, là đường trục đường đô thị hiện đại trong hệ thống đường nội thị thành phố Hoà Bình. – Tuyến đường được thiết kế theo tiêu chuẩn đường phố chính đô thị cấp II, được xây dựng với quy mô 4 làn xe cơ giới, nền đường rộng 36 m. – Hệ thống hạ tầng kỹ thuật (via hè, thoát nước, chiếu sáng, tuy nèn kỹ thuật) được thiết kế đồng bộ. 					
14	Đường Trương Hán Siêu thành phố Hòa Bình	Rộng 36m, 6 làn xe cơ giới, Vtk = 60km/h	4,4	BVTC	2008	27,85
	<ul style="list-style-type: none"> – Đường Trương Hán Siêu dài 4,4 km, là đường trục đường đô thị hiện đại trong hệ thống đường nội thị thành phố Hoà Bình. – Tuyến đường được thiết kế theo tiêu chuẩn đường phố chính đô thị cấp II, được xây dựng với quy mô 4 làn xe cơ giới, nền đường rộng 36 m. – Hệ thống hạ tầng kỹ thuật (via hè, thoát nước, chiếu sáng, tuy nèn kỹ thuật) được thiết kế đồng bộ. 					
15	Đường nối đường cao tốc Hà nội – Hải Phòng và đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình	Rộng 32,5m, 6 làn xe cơ giới, Vtk = 100km/h	48	DADT	2009	4091
	<ul style="list-style-type: none"> – Là tuyến đường hiện đại nối liền 2 đường cao tốc hướng tâm vào T.P Hà Nội, đồng thời là trục giao thông liên tỉnh chính vượt qua sông Hồng kết nối Hà Nam và Hưng Yên. – Tuyến đường được thiết kế theo tiêu chuẩn đường cấp II đồng bằng. – Trong đó đoạn qua địa phận T.P Hưng Yên (dài khoảng 7km) và đoạn đi trùng ĐT499 từ nút giao Liêm Tuyền đến Chợ Sông (dài 6km) có quy mô đường trục chính đô thị rộng 71,5m với hệ thống hạ tầng kỹ thuật được thiết kế đồng bộ. 					

3. HỆ THỐNG CÁC QUỐC LỘ LỚN

TT	Tên Công trình / Dự án	Quy mô	Chiều dài	Bước thiết kế	Năm	GTXL (tỷ)
1	Quốc lộ 1 Hà Nội – Lạng Sơn, đoạn Km132 – Km165	Rộng 35,5m, 4 làn xe cơ giới, Vtk = 100km/h	33	TKKT	2001	-
	<ul style="list-style-type: none"> – Thiết kế theo tiêu chuẩn đường cao tốc với tốc độ 100km/h. – Hệ thống giao cắt khác mức, bao gồm 5 nút giao khác mức (hoàn chỉnh và trực giao). – Qua khu vực địa chất đất yếu đặc thù của đồng bằng Bắc Bộ, chiều dày lớp đất yếu từ 25-40m. 					
2	Quốc lộ 1 đoạn Đông Hà – Quảng Ngãi (HPR2)	Rộng 12m, 2 làn xe cơ giới, Vtk = 80km/h	300	BCNCKT, TKKT	1998	832

TT	Tên Công trình / Dự án	Quy mô	Chiều dài	Bước thiết kế	Năm	GTXL (tỷ)
	<ul style="list-style-type: none"> Là dự án vốn vay nước ngoài do World Bank tài trợ. Dự án này là dự án xây dựng cầu đường quy mô lớn bằng vốn đầu tư nước ngoài đầu tiên được một công ty tư vấn Việt Nam trúng thầu và thực hiện. Chiều dài rất lớn (300km), qua các tỉnh Nam Trung bộ: Quảng Trị, Huế, Đà Nẵng, Quảng Ngãi. <i>Cải tạo đoạn qua đèo Hải Vân Km893 – Km914 (21km).</i> Thiết kế mặt đường bê tông xi măng trên 10 đoạn ngập nặng (năm 2001) với tổng chiều dài 10,7km, dự toán 73 tỷ đồng. 					
3	Quốc lộ 1 đoạn Mỹ Thuận – Cần Thơ	Rộng 16 - 42m, 4 làn xe cơ giới, Vtk = 80km/h	35,5	BCNCKT, TKKT	2005- 2007	738
	<p>Quốc lộ 1 đoạn Mỹ Thuận – Cần Thơ dài 35,5km, nối từ cầu Mỹ Thuận đến cầu Cần Thơ. Tuyến đường chủ yếu đi trùng đường hiện tại, trên khu vực địa chất rất yếu, được xử lý bằng nhiều giải pháp phù hợp. Công ty cổ phần Tư vấn thiết kế Đường bộ tham gia khảo sát, thiết kế các đoạn sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> Bước lập Dự án đầu tư: khảo sát thiết kế toàn bộ (Km2030 – Km2067). Thiết kế kỹ thuật: khảo sát, thiết kế các đoạn Km2030 – Km2032+049,5; đoạn tránh thị xã Vĩnh Long Km0 – Km5. 					
4	Quốc lộ 5	Rộng 30-40, 6-8 làn xe cơ giới, Vtk = 100km/h	15	BCNCKT, TKKT	1995	-
	<p>Là tuyến đường đầu tiên được khảo sát, thiết kế theo tiêu chuẩn AASHTO.</p> <ul style="list-style-type: none"> ❖ BCNCKT: Khảo sát thiết kế lập BCNCKT toàn bộ tuyến đường. Đặc biệt là <i>xác định phương án vị trí tuyến tránh thành phố Hải Dương (tránh về bên trái).</i> ❖ Thiết kế kỹ thuật đoạn Km47 – Km62 (đoạn tuyến tránh thành phố Hải Dương): <ul style="list-style-type: none"> <i>Lần đầu tiên áp dụng phương pháp khảo sát địa hình sử dụng lưới không chế mặt bằng và độ cao hạng IV, lưới đường chuyên cấp 2 vào khảo sát thiết kế đường ô tô.</i> <i>Lần đầu tiên áp dụng bác thám vào xử lý nền đất yếu trong xây dựng đường ô tô ở Việt Nam.</i> 					
5	Quốc lộ 5: Dự án Nâng cao năng lực	-	60	BCNCKT, TKKT	1998	-
	<ul style="list-style-type: none"> Tổ chức lại giao thông trên toàn tuyến. Hạn chế các điểm quay đầu, mở giải phân cách. Bố trí các làn chờ rẽ xe, làn tăng tốc, giảm tốc ở các nút giao thông. Thiết kế hệ thống giao thông khác mức ở một số nút giao lớn như nút Trâu Quỳ, nút Phú Thụy, Nút Quán Gỏi. Thiết kế hệ thống cầu vượt dân sinh cho người qua đường. Áp dụng biện pháp kiểm soát người qua đường bằng rào giải phân cách giữa. <i>Tai nạn giao thông trên toàn tuyến đã giảm mạnh.</i> 					
6	Quốc lộ 6 đoạn qua thị xã Hà Đông	Rộng 47m, 6 làn xe cơ giới, Vtk = 80km/h	5	BCNCKT, TKKT, BVTC	1997	-
	<ul style="list-style-type: none"> Tuyến đường được thiết kế đảm nhận cả 2 vai trò: vừa là đường phố chính đô thị cấp I của thị xã Hà Đông, vừa là quốc lộ hướng tâm của thủ đô Hà Nội. Đường phố chính đô thị cấp I, rộng 47m, 6 làn xe cơ giới. Mở rộng về 1 phía, đảm bảo khối lượng đền bù giải phóng mặt bằng và tái định cư nhỏ nhất, phù hợp với quy hoạch đô thị. 					

TT	Tên Công trình / Dự án	Quy mô	Chiều dài	Bước thiết kế	Năm	GTXL (tỷ)
7	Quốc lộ 6 đoạn Hòa Bình – Sơn La	Rộng 9m, 2 làn xe cơ giới, Vtk = 40-60km/h	251	BCNCKT, TKKT	2002	2.400
<ul style="list-style-type: none"> ❖ Báo cáo nghiên cứu khả thi: <ul style="list-style-type: none"> – Khảo sát thiết kế lập BCNCKT toàn bộ dự án. – Đề xuất các giải pháp cải tạo tất cả các đoạn đèo dốc trên toàn tuyến, đặc biệt là giải pháp cải tạo dốc Cun, đèo Thung Khe, đèo Hòa Tạt và Đèo Đá Mộc. – Đề xuất quy mô đầu tư hợp lý cho cả dự án: <i>tốc độ thiết kế 60km/h, các đoạn đèo dốc khó 40km/h.</i> – Đề xuất các hướng đảm bảo giao thông ngoại tuyến trong quá trình thi công. ❖ Thiết kế kỹ thuật: <ul style="list-style-type: none"> – Thực hiện công tác tổng thể toàn dự án bước TKKT. – <i>Cải tạo triệt để đèo Thung Khe (Km112 – K134) là tuyến đường đèo hiểm trở nhất trên toàn tuyến, dài 22km, chênh cao giữa đỉnh đèo và 2 chân đèo là 700m, đi trên vùng địa hình núi đá cao, hiểm trở, có vách đá cao trên 500m, gập nếp và phân cắt mạnh mẽ.</i> – <i>Cải tạo triệt để đèo Hòa Tạt bằng phương án tránh tuyến về bên trái, đi trên vùng địa hình đồi thấp tương đối bằng phẳng. QL6 hiện tại không còn đèo Hòa Tạt.</i> 						
8	Quốc lộ 6 đoạn Sơn La – Tuần Giáo	Rộng 7,5m, 2 làn xe cơ giới, Vtk = 25-40km/h	85	BCNCKT, TKKT	2005	
<p><i>Cải tạo triệt để đèo Pha Đin, tuyến đèo hiểm trở nhất trên QL6 và cả vùng Tây Bắc với 6 lát xê trên đường xuống đèo đã từ lâu được đánh giá là điểm đen về mất an toàn giao thông:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – <i>Cải tạo triệt để đường lên đèo, xác định phương án tuyến tránh cục bộ 6 lát xê trên đường xống đèo (tránh về bên trái).</i> – <i>Không còn lát xê. Số bán kính nhỏ hơn 60m (từ 40 đến 60m) chiếm tỷ lệ dưới 15%.</i> – <i>Độ dốc đều, dốc nhất là đường xuống đèo với độ dốc xấp xỉ 8% (cao nhất là 9%).</i> – <i>Tuyến đường mới ngắn hơn tuyến đường cũ 1,7km.</i> 						
9	Quốc lộ 12 đoạn Km66 – Km102	2 làn xe cơ giới, rộng 7,5m, Vtk = 40km/h	35,5	BCNCKT, TKKT	2002	979,6
<p>Quốc lộ 12 đoạn Km66 – Km102 được xây dựng mới hoàn toàn do phần đường cũ sẽ bị ngập khi nhà máy thủy điện Sơn La đi vào khai thác. Tuyến đường đi trên khu vực địa hình miền núi hiểm trở, gập nếp và phân cắt mạnh mẽ. Công ty cổ phần Tư vấn thiết kế Đường bộ là đơn vị khảo sát thiết kế lập dự án đầu tư toàn bộ tuyến đường và khảo sát, thiết kế kỹ thuật đoạn Km66 – Km90.</p>						
10	Quốc lộ 18	2 – 4 làn xe cơ giới, rộng 12 – 24m, Vtk = 80km/h	182	BCNCKT, TKKT	2002	-
<ul style="list-style-type: none"> – Cung cấp các vị trí nhân lực chủ chốt (đồng chủ nhiệm dự án, các kỹ sư phụ trách cầu, đường) cho Công ty tư vấn PCI (Nhật). – Khảo sát thiết kế lập BCNCKT toàn bộ đoạn Biểu Nghi – Cửa Ông dài 57km. – Khảo sát thiết kế lập thiết kế kỹ thuật đoạn mở rộng qua đô thị Km108+100 – Km115+650 (7,2km). 						
11	Quốc lộ 50 đoạn Km3+004 – Km11+300	Rộng 31 - 55m, 4 - 6 làn xe cơ giới, Vtk = 80km/h	8,5	BCNCKT, TKKT	2007	-

TT	Tên Công trình / Dự án	Quy mô	Chiều dài	Bước thiết kế	Năm	GTXL (tỷ)
	<p>Quốc lộ 50 đoạn Km3+004 – Km11+300 dài 8,5km, thuộc địa phận thành phố Hồ Chí Minh, được đầu tư chủ yếu theo quy mô đường phố chính cấp II với đầy đủ hệ thống hạ tầng kỹ thuật như hào kỹ thuật, cấp nước, thoát nước, chiếu sáng, cây xanh... Tuyến đường đi trên khu vực có điều kiện địa chất rất yếu. Nền đường được xử lý bằng giồng cát đường kính 0,4m, sâu 12 – 18m.</p>					
12	Quốc lộ 279 Đoạn nối QL2 – QL3	Rộng 7,5m, 2 làn xe cơ giới, Vtk = 40km/h	156	BCNCKT, TKKT	2006	205
	<p>Công ty TVTK Đường bộ thực hiện vai trò CNTT toàn bộ dự án bước lập BCNCKT và khảo sát, thiết kế kỹ thuật đoạn khó khăn nhất từ Km124 đến Km157. Trong toàn tuyến, đoạn nối QL2 và QL3 (dài 156km) là đoạn tuyến khó khăn, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Đoạn Km74 - Km112: tuyến đi trên đỉnh Thác Mơ và để tránh ngập nên phải đi qua vùng núi đá cao hiểm trở. – Đoạn qua đèo đá từ Km127+500 - Km131: tuyến mới đi trên vùng vách đá cao hiểm trở, chiều cao vách đến 130m. – Đoạn qua đèo Bụt Km150 - Km151: cải tạo một lát xê R=10m; dốc gắt 15%. 					
13	Đường Hồ Chí Minh	Rộng 9m, 2 làn xe cơ giới, Vtk = 40-60km/h	160	TKKT	2002	1.152
	<p>Các đoạn tuyến do Công ty CP TVTK Đường bộ khảo sát thiết kế đều là các đoạn tuyến khó khăn, qua vùng địa hình hiểm trở, rất ít dân cư trải dài từ Quảng Bình vào Quảng Nam, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Đoạn Pheo – Bùng (Km486+500 – Km545+500): 58,66km. – Đoạn Cầu Xoi – Khâm Đức (Km265+600 – Km303+100): 39,76km. – Nhánh phía tây (Km62T – Km120T): 30km. – Đặc biệt, đoạn Km276+300 - Km277+200 đi trên vùng địa hình bên phải là vách núi cao với hàng cột điện 500KV, bên trái là vực sông Cái. Ta luy âm được gia cố chống xói bằng tường chắn BTCT cao từ 4 - 8m đặt trên móng cọc khoan nhồi dài từ 10 -25m. Đoạn tuyến này đã được Hiệp hội tư vấn xây dựng Việt Nam cấp giấy chứng nhận “<i>Dự án tư vấn đạt chất lượng cao</i>”. 					

4. HỆ THỐNG CÁC TUYẾN ĐƯỜNG PHỤC VỤ XÂY DỰNG CÁC NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN LỚN

TT	Tên Công trình / Dự án	Quy mô	Chiều dài	Bước thiết kế	Năm	GTXL (tỷ)
1	Ba tuyến đường vào nhà máy thủy điện Sơn La	Rộng 9m, 2 làn xe cơ giới, Vtk = 40km/h	80,7	BCNCKT, TKKT-TC	2002	412
	<p>Trong tổng số 80,7km của cả 3 tuyến, tuyến 1 Sơn La – Na Co – Mường Bú dài 30 km là tuyến đường đặc biệt khó khăn với đèo Cao Pha (Km11+ 200 - Km13+600):</p> <ul style="list-style-type: none"> – Độ chênh cao xấp xỉ 240m. – Chiều dài theo đường chim bay 730m. – 7 lát xê, bán kính cong 10m, dốc dọc cục bộ 15%. – Đi trên địa hình núi đá vôi cao, dốc ngang gần như dựng đứng, một bên là vực sâu, một bên là vách đá dựng đứng cao xấp xỉ 500m. <p><i>Hiện nay, tuyến đường đã hoàn thành, đã không còn thấy đèo Cao Pha.</i></p>					

TT	Tên Công trình / Dự án	Quy mô	Chiều dài	Bước thiết kế	Năm	GTXL (tỷ)
2	Hệ thống đường giao thông nhà máy thủy điện Lai Châu	Rộng 7,5m, 2 làn xe cơ giới, Vtk = 25-40km/h	-	BCNCKT, TKKT-TC	2007- 2008	-
<p>Trong toàn bộ hệ thống, đường tỉnh 127 đoạn Km21 – Km32+190 là tuyến đường được xây dựng mới, đi trên mực nước ngập của lòng hồ thủy điện Sơn La, qua vùng địa hình đặc biệt khó khăn. Bên trái tuyến là sông Đà, bên phải tuyến là núi cao, dọc tuyến có một số vị trí vách núi đá cao vài chục mét và dốc ngang lên đến trên 100%. Khu vực này phân cắt và gập nếp mạnh mẽ, độ dốc tự nhiên rất lớn.</p> <p>Hiện nay, phần lớn công tác thiết kế đã hoàn thành. <i>Chủ đầu tư cũng như các nhà thầu xây lắp đều đánh giá cao chất lượng thiết kế các tuyến đường cũng như chất lượng các dịch vụ tư vấn xây dựng do Công ty cung cấp.</i></p>						
3	Hệ thống đường giao thông nhà máy thủy điện Đồng Nai 3 & 4	Rộng 7,5m, 2 làn xe cơ giới, Vtk = 25-40km/h	38,1	BCNCKT, TKKT-TC	2004	134
<p>Trong toàn bộ hệ thống, đường vào nhà máy thủy điện ĐN4 đoạn Km22+000-Km25+678 là tuyến đường được xây dựng mới, đi trên vùng địa hình đặc biệt khó khăn. Khu vực này phân cắt và gập nếp mạnh mẽ, độ dốc tự nhiên rất lớn.</p> <p>Hiện nay, giai đoạn xây dựng tuyến đường sắp hoàn thành, <i>chủ đầu tư cũng như các nhà thầu xây lắp đều đánh giá cao chất lượng thiết kế các tuyến đường cũng như chất lượng các dịch vụ tư vấn xây dựng do Công ty cung cấp.</i></p>						
4	Hệ thống đường giao thông nhà máy thủy điện Sê San 3	Rộng 7,5m, 2 làn xe cơ giới, Vtk = 25-40km/h	30	BCNCKT, TKKT-TC	2002	221
<p>Hệ thống đường này được xây dựng mới hoàn toàn trên vùng địa hình khó khăn, rậm rạp, tiến độ khảo sát thiết kế ngắn (3 tháng).</p> <p><i>Công tác khảo sát thiết kế đã được chủ đầu tư đánh giá cao về chất lượng và tiến độ.</i></p>						
5	Hệ thống đường giao thông nhà máy thủy điện Buôn Kốp	Rộng 7,5m, 2 làn xe cơ giới, Vtk = 40km/h	37,4	BCNCKT, TKKT-TC	2003	248
<p>Hệ thống đường giao thông phục vụ xây dựng nhà máy bao gồm 37,8 km đường, 1 cầu lớn, 3 cầu trung và 40 cống đã được Công ty CP TVTK Đường bộ khảo sát thiết kế <i>đảm bảo tiến độ và chất lượng, được chủ đầu tư đánh giá cao.</i></p>						
6	Hệ thống đường giao thông nhà máy thủy điện Buôn Tua Srah	Rộng 7,5m, 2 làn xe cơ giới, Vtk = 40km/h	25,4	BCNCKT, TKKT-TC	2004	175
<p>Hệ thống đường giao thông phục vụ xây dựng nhà máy bao gồm 25,4 km đường, 1 cầu lớn, 2 cầu trung, 1 cầu nhỏ và 74 cống đã được Công ty CP TVTK Đường bộ khảo sát thiết kế <i>đảm bảo tiến độ và chất lượng, được chủ đầu tư đánh giá cao.</i></p>						
7	Đường tỉnh 176 vào nhà máy thủy điện Tuyên Quang	Rộng 7,5m, 2 làn xe cơ giới, Vtk = 25-40km/h	35,5	BCNCKT, TKKT-TC	2001	167
<p>Đường cũ là tuyến đường quanh co, gập ghềnh đi sát mép sông Gâm, trên sườn dốc vát, nhiều đoạn tuyến ngập nặng. Đặc biệt, <i>10km qua đèo Cỏ Yểng (Km65-Km75) là một cản trở lớn</i>, với nhiều bán kính cong nhỏ (dưới 10m), nhiều đoạn dốc gắt (15%) làm cho hành trình <i>qua gần 40km đường này kéo dài đến gần 3 giờ.</i> Hiện nay, tuyến đường đã được đưa vào khai thác, đáp ứng tiến độ xây dựng nhà máy và phục vụ giao thông nối liền 2 huyện Chiêm Hóa – Nà Hang. <i>Đèo Cỏ Yểng đã được cải tạo triệt để.</i> Chiều dài tuyến được rút ngắn.</p>						

MỘT SỐ HÌNH ẢNH CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU

ĐƯỜNG CAO TỐC LẮNG - HÒA LẠC



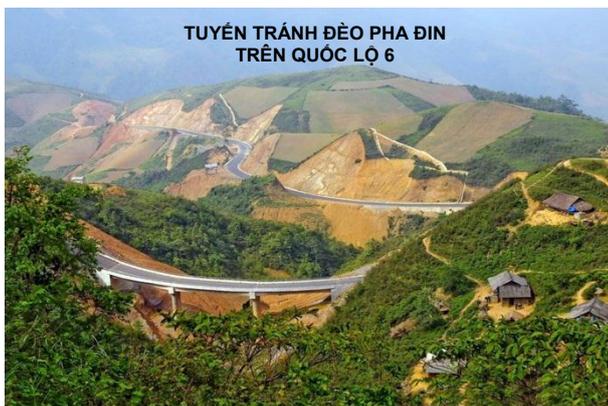
NÚT GIAO THÔNG CẦU GIẤY, HÀ NỘI



ĐƯỜNG CAO TỐC
CẦU GIẾ - NINH BÌNH



TUYẾN TRÁNH ĐÈO PHA ĐIN
TRÊN QUỐC LỘ 6



THẨM TRA HỒ SƠ KHẢO SÁT - THIẾT KẾ, TỔNG DỰ TOÁN MỘT SỐ CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU

TT	Tên công trình	Quy mô (m)	Đặc điểm kỹ thuật	Địa điểm	Năm
1	Báo cáo NCKT QL279, đoạn Minh Thắng – Pá Uôn	Dài 40km, rộng 7,5m	Tuyến đi trên dạng địa hình miền núi.	Sơn La, Lai Châu	2002
	<ul style="list-style-type: none"> – Quy mô tuyến: Đường cấp IV miền núi (theo TCVN 4054-85). Tốc độ thiết kế 40km/h, độ dốc tối đa $i = 10\%$, bán kính đường cong nằm $R_{min} = 40m$. Mặt đường đá dăm láng nhựa $E_{yc} = 890 daN/cm^2$. – Trên tuyến có 2 cầu trung và 1 cầu nhỏ với tổng chiều dài 78m. 				
2	Báo cáo NCKT QL 32, đoạn Diên - Nhôn	Dài 4,07km rộng 50m	Đường phố chính cấp I (22TCN 104-83)	Thành phố Hà Nội	2002
	<ul style="list-style-type: none"> – Quy mô tuyến: Tốc độ thiết kế 80km/h, độ dốc tối đa $i = 0,76\%$, bán kính đường cong nằm $R_{min} = 600m$. Mặt đường đá dăm láng nhựa $E_{yc} = 1800 daN/cm^2$. – Trên tuyến có 1 cầu trung dài 45m, 1 cầu lớn vượt đường sắt và đường vào ga Phú Diên. 				
3	Hồ sơ TKKT-TC, Dự toáncầu Hải Giá Km 7+289,31 – Tỉnh lộ 631A	Dài 279,42m Rộng: 7,5m	Cầu nằm trên dạng địa hình miền núi.	Quảng Trị	2004
	<p>Sơ đồ nhịp: 8 nhịp giản đơn 33m. Kết cấu nhịp dùng dầm giản đơn BTCT UST chữ I. Mặt cắt ngang gồm 3 dầm chủ cách nhau 2,5m, chiều cao dầm chủ 1,65m. Cốt thép dự ứng lực dùng bó thép 12 tao $\phi 12,7mm$. Móng móng cầu dùng cọc khoan nhồi $D=1m$, mỗi móng 5 cọc dài từ 8 – 9m. Móng trụ cầu đặt trực tiếp trên nền đá, riêng trụ T7 dùng 4 cọc khoan nhồi $D=1m$, chiều dài cọc dự kiến 10m. Đường 2 đầu cầu thiết kế theo tiêu chuẩn đường cấp IV miền núi. Bề rộng nền 7,5m, mặt đường đá dăm láng nhựa rộng 5,5m.</p>				
4	Hồ sơ TKKT, Tổng dự toán QL32 Km14 – Km41 (Nhôn – Sơn Tây)	Dài 27km, rộng 12 - 35m	Tuyến đi trên dạng địa hình đồng bằng và cắt qua các 3 thị trấn	Hà Tây	2004
	<ul style="list-style-type: none"> – Quy mô tuyến: Đường cấp 60. Tốc độ thiết kế 60km/h, độ dốc tối đa $i = 4\%$, bán kính đường cong nằm $R_{min} = 125m$. Mặt đường bê tông nhựa $E_{yc} = 1400 daN/cm^2$. – Trên tuyến có 1 cầu trung và 1 cầu nhỏ với tổng chiều dài 50m. – Kết cấu nhịp: Dầm giản đơn BTCT UST mặt cắt chữ T. – Móng cọc khoan nhồi $D = 1m$ cho cầu trung và và móng cọc đóng BTCT 40x40cm cho cầu nhỏ. 				
5	Hồ sơ TKKT, Tổng dự toán QL1A, đoạn Trung Lương – Mỹ Thuận	Dài: 58,2km Rộng: 20m	Cải tạo mở rộng đường cũ	Tiền Giang	2004
	<ul style="list-style-type: none"> – Quy mô tuyến: Tốc độ thiết kế 80km/h, mặt đường bê tông nhựa $E_{yc} = 1600 daN/cm^2$ – Trên tuyến có 7 cầu trung với tổng chiều dài 337m. – Kết cấu nhịp: Dầm bản rộng giản đơn BTCT DU'L và dầm BTCT DU'L mặt cắt chữ I – Móng cọc khoan nhồi $D = 1m$ và móng cọc BTCT 45x45cm – Xử lý nền đất yếu đầu cầu bằng bản BTCT giảm tải trên móng cọc và giếng cát. 				

6	Hồ sơ TKKT, Tổng dự toán đường tỉnh 723, Đà Lạt – Đa Cháy	Dài: 24,57km Rộng 9-16m.	Tuyến đi trên dạng địa hình miền núi.	Lâm Đồng	2005
<ul style="list-style-type: none"> – Quy mô tuyến: 6,4km đầu tuyến là đường vành đai đô thị, bề rộng nền 16m, đoạn còn lại là đường cấp 40, tốc độ thiết kế 40km/h, độ dốc tối đa $i = 8\%$. Mặt đường bê tông nhựa Eyc = 1270daN/cm² – Trên tuyến có 2 cầu trung là cầu Đa Sar và cầu ĐaDeum – Cầu ĐaSar gồm 1 nhịp 5 dầm BTCT DU\bar{L} L=33m tiết diện chữ I, chiều cao dầm 1,65m. Móng 2 móng là móng nông đặt trên nền đá. – Cầu ĐaDeum gồm 3 nhịp bố trí theo sơ đồ 15m+25,7m+15m. Nhịp chính gồm 5 dầm BTCT DU\bar{L} L=25,7m tiết diện chữ I, chiều cao dầm 1,45m. Nhịp dẫn gồm 6 dầm BTCT thường M300 L=15m tiết diện chữ T. Móng móng và trụ cầu là móng nông đặt trên nền đá. 					
7	Báo cáo NCKT Dự án ĐT XD QL28, tránh ngập thủy điện Đồng Nai 3	Chiều dài PAI: 15,37km, PAII:6,28km Rộng 7,5m	Tuyến đi trên dạng địa hình miền núi.	Lâm Đồng	2005
<ul style="list-style-type: none"> – Quy mô tuyến: Đường cấp IV miền núi. Tốc độ thiết kế 40km/h, độ dốc tối đa $i = 8\%$, bán kính đường cong nằm Rmin = 60m. Mặt đường bê tông nhựa Eyc=1150daN/cm². – Trên tuyến có 3 cầu lớn (cả 2 PA) với tổng chiều dài là 699m. Kết cấu nhịp: Dùng dầm giản đơn BTCT U\bar{S}T lắp ghép dài 33m cho 2 cầu trên phương án tuyến 1 (sơ đồ nhịp 5*33m) và 2 nhịp dẫn của cầu Đa Dung trên phương án tuyến 2. Dùng dầm BTCT U\bar{S}T liên tục đúc hẫng cân bằng cho phần cầu chính trên phương án tuyến 2 (sơ đồ nhịp 75m+120m+75m). Móng các móng trụ cầu đều là móng nông đặt trên nền đá gốc granit. 					
8	Hồ Sơ TKKT đường cao tốc TP Hồ Chí Minh – Trung Lương (02 gói đường và 02 gói cầu)	Tổng chiều dài 02 gói đường là 2,7km. Bề rộng nền 26m	tuyến đi trên dạng địa hình đồng bằng, trũng, có nền đất yếu.	Long An, Tiền Giang	2005
<p>Quy mô tuyến: Đường cao tốc loại A, Tốc độ thiết kế 120km/h, mặt đường bê tông nhựa Eyc = 1910daN/cm².</p> <p>Quy mô cầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cầu vượt số 5: Gồm 8 nhịp dầm bản liên tục BTCT U\bar{S}T theo sơ đồ 3x30m+2x35m+3x30m. Chiều dài toàn cầu 250,9m. Mố trụ BTCT móng cọc khoan nhồi D=1,0m. - Cầu Xáng Múc: Gồm 5 nhịp giản đơn L=25,7m. Chiều dài toàn cầu là 129,94m. Mặt cắt ngang có 5 dầm chủ BTCT U\bar{S}T tiết diện chữ I, cầu chéo một góc 70° so với dòng chảy. Mố trụ móng cọc BTCT 40x40cm. 					
9	Hồ Sơ TKKT, Dự toán đường Nam Sông Hậu Đoạn Km 17 – Km50 và đoạn Km80 – Km100	Tổng chiều dài 52,98km. rộng 7,5 - 12m.	Tuyến đi trên dạng địa hình đồng bằng và có nền đất yếu.	Sóc Trăng	2005
<ul style="list-style-type: none"> – Quy mô tuyến: Đường cấp III đồng bằng. Tốc độ thiết kế 80km/h, độ dốc tối đa $i = 7\%$, bán kính đường cong nằm Rmin = 250m. Mặt đường bê tông nhựa Eyc=980daN/cm². – Trên tuyến có 2 trung chiều dài toàn cầu Ltc=61m. Sơ đồ nhịp 3x20m. Kết cấu nhịp dùng dầm bản giản đơn BTCT U\bar{S}T kéo trước L=20m. Mố trụ móng cọc BTCT 40x40cm dài từ 34 – 39m. 					

10	Hồ Sơ TKKT, Tổng dự toán cầu Đạ P'Loa, huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng	Chiều dài cầu 104,48m, Rộng 9m	Cầu nằm trên dạng địa hình miền núi.	Lâm Đồng	2006
<ul style="list-style-type: none"> - Sơ đồ nhịp: 3 nhịp giản đơn 33m. Kết cấu nhịp dùng dầm giản đơn BTCT DƯỠ chữ I. Mặt cắt ngang gồm 4 dầm chủ cách nhau 2,2m, chiều cao dầm chủ 1,65m. Cốt thép dự ứng lực dùng 5bó -12tao $\phi 12,7\text{mm}$. Móng móng cầu dùng cọc khoan nhồi $D=1\text{m}$, mỗi móng 6 cọc. Móng trụ cầu dùng cọc khoan nhồi $D=2\text{m}$, mỗi trụ 5 cọc. Đường 2 đầu cầu dài 453m, thiết kế theo tiêu chuẩn đường cấp IV miền núi, cấp kỹ thuật 40. Bề rộng nền 9m, mặt đường bê tông nhựa $E_{yc} = 1270/\text{daN}/\text{cm}^2$. 					
11	Hồ Sơ TKKT, Dự toán đường 398B, Núi QL183 với QL18, tỉnh Hải Dương	Chiều dài 8,57km, rộng 12m	Tuyến đi trên dạng địa hình đồng bằng.	Hải Dương	2006
<ul style="list-style-type: none"> - Quy mô tuyến: Cấp tốc độ 80. Tốc độ thiết kế 80km/h, độ dốc tối đa $i = 4\%$, bán kính đường cong nằm $R_{\min} = 250\text{m}$. Mặt đường bê tông nhựa $E_{yc}=1400\text{daN}/\text{cm}^2$. Trên tuyến có 1 cầu trung và 2 cầu nhỏ. Kết cấu nhịp dùng dầm bản giản đơn BTCT DƯỠ M400. Móng trụ móng cọc đóng BTCT 40x40cm. 					
12	Hồ Sơ BVTC, Tổng dự toán đường giao thông, cấp nước, thoát nước phân khu I thuộc dự án XD Hạ tầng kỹ thuật khu đô thị du lịch sinh thái Đại Phước	Diện tích phân khu khoảng 51ha, với tổng chiều dài đường là 6,14km	Đây là khu đô thị du lịch sinh thái mới nằm trên cù lao Ông Cò với nền đường hoàn toàn đắp trực tiếp trên các lớp đất yếu	Đồng Nai	2007
<ul style="list-style-type: none"> - Quy mô tuyến: <ul style="list-style-type: none"> + Tốc độ thiết kế 60 – 80km. + Nền đường gồm có 6 dạng mặt cắt ngang khác nhau rộng từ 12 – 49,5m phân bố trên 25 đường nhánh và đường trục trong phạm vi phân khu I. + Mặt đường bê tông nhựa $E_{yc}=1190 - 1530\text{daN}/\text{cm}^2$. + Độ dốc tối đa $i = 6 - 8\%$, bán kính đường cong nằm $R_{\min} = 125-250\text{m}$. - Xử lý nền đất yếu bằng bấc thấm với chiều sâu cắm bấc từ 7m – 22m. 					

TƯ VẤN GIÁM SÁT THI CÔNG XÂY DỰNG MỘT SỐ CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU

TT	Tên công trình	Quy mô (m)	Đặc điểm kỹ thuật	Địa điểm	Năm
A. CÁC CÔNG TRÌNH CÓ VỐN ĐẦU TƯ TRONG NƯỚC					
1	Đường Quy Nhơn-Sông Cầu và các cầu trên tuyến	Dài: 33,2km Rộng: 12 - 20m	Tuyến qua TP. Quy Nhơn và đi trên sườn núi ven biển	Bình Định – Phú Yên	1997-2000
	<ul style="list-style-type: none"> – Tốc độ thiết kế $V = 60\text{m} - 80\text{km/h}$, độ dốc tối đa $i = 7\%$, bán kính đường cong nằm $R_{\min} = 130\text{m}$ – Mặt đường bê tông nhựa. – Trên tuyến có 12 cầu, tổng chiều dài cầu 435m trong đó có 1 cầu lớn $L = 212\text{m}$ gồm 6 nhịp dầm giản đơn BTCT DƯL 				
2	Đường Quy Nhơn - Nhơn Hội và 5 cầu Hà Thanh	Dài: Rộng: 15m	Đường qua biển, nối TP. Quy Nhơn với bán đảo Nhơn Hội	Thành phố Quy Nhơn	2002 - 2005
	<ul style="list-style-type: none"> – Các nút giao: Đông Đa, Hoa Lư, Núi Hang – Tiêu chuẩn thiết kế đường đô thị $v = 80\text{km/h}$. Mặt đường bê tông nhựa. – 5 cầu Hà Thanh gồm 3 cầu lớn và 2 cầu trung có tổng chiều dài 670m rộng 14,5m. – Kết cấu nhịp: dầm giản đơn Supert và bản BTCT DƯL lắp ghép. – Móng cọc BTCT 45 x 45cm 				
3	Cầu Cửa Lấp	Dài: 722m Rộng: 12m	Sơ đồ: 5x33+(43,5+63+43,5)+12x33(m)	Bà Rịa-Vũng Tàu	2002 - 2005
	<ul style="list-style-type: none"> – Vị trí cầu gần cửa biển, nằm trên đường ven biển Vũng Tàu – Long Hải – Bình Châu. – Tĩnh không thông thuyền: $B = 50\text{m}$, $H = 7\text{m}$. – Kết cấu nhịp: Dầm khung chữ T BTCT DƯL có nhịp đeo và dầm giản đơn BTCT DƯL. – Kết cấu móng: cọc khoan nhồi $D = 1\text{m}$. – Cầu đã được thi công hoàn thành năm 2006 				
4	Đường 188 và các cầu trên tuyến	Dài: 14,7km Rộng: 12m		Hải Dương	2004 - 2006
	<ul style="list-style-type: none"> – Quy mô tuyến: Tốc độ thiết kế 60km/h, mặt đường bê tông nhựa $E_{yc} = 1470/\text{daN}/\text{cm}^2$ – Cầu Đá Vách: Dài 559m, sơ đồ: 4x30+(44+2x64+44)+7x30m. – Cầu Hiệp Thượng: Dài 453m, sơ đồ: 4x30+(55+90+55)+4x30m. – Kết cấu nhịp: Dầm hộp BTCT DƯL và dầm giản đơn BTCT DƯL – Kết cấu móng: cọc khoan nhồi $D = 1,5\text{m}$ 				
5	Đường Hồ Chí Minh và các cầu trên tuyến	Dài: 225km Rộng: 9 - 12m		Hà Nội Ninh Bình Thanh Hóa	

TT	Tên công trình	Quy mô (m)	Đặc điểm kỹ thuật	Địa điểm	Năm
	<ul style="list-style-type: none"> – Công ty TVTK Đường bộ đã cử 1 kỹ sư làm phó giám đốc kỹ thuật và 10 kỹ sư giám sát thi công xây dựng. Chủ nhiệm dự án là Tư vấn Cu Ba – Đoạn Hòa Lạc – Thạch Quảng: km0 – km105. – Tốc độ thiết kế $v = 60 - 80\text{km/h}$, mặt đường bê tông nhựa. – Các cầu trên tuyến: 59 cầu trung, cầu nhỏ, 2 cầu lớn trong đó có các cầu Cúc Phương (1 – 6) tổng chiều dài 950m. 				
6	Cầu Khuê	Dài: 787m Rộng: 12m	Sơ đồ: 37,8+3x38,5+(70+ 3x110+70)+3x38,5 +37,8 (m)	Hà Nam	2005 - 2006
	<ul style="list-style-type: none"> – Cầu vượt qua sông Văn Úc địa phận huyện Tiên Lãng và An Lão, thành phố Hải Phòng. – Tĩnh không thông thuyền: $B = 80\text{m}$, $H = 10\text{m}$. – Kết cấu nhịp: Dầm hộp liên tục BTCT DƯL dầm giản đơn BTCT DƯL. – Kết cấu móng: cọc khoan nhồi $D = 1,5\text{m}$. 				
7	QL1A đoạn Trung Lương - Mỹ Thuận và các cầu trên tuyến	Dài: 58,2km Rộng: 20m	Cải tạo mở rộng đường cũ	Tiền Giang	2005 - 2006
	<ul style="list-style-type: none"> – Quy mô tuyến: Tốc độ thiết kế 80km/h, mặt đường bê tông nhựa $E_{yc} = 1600/\text{daN}/\text{cm}^2$ – Trên tuyến có 7 cầu trung với tổng chiều dài 337m. – Kết cấu nhịp: Dầm bản rộng giản đơn BTCT DƯL và dầm BTCT DƯL mặt cắt chữ I – Móng cọc khoan nhồi $D = 1\text{m}$ và móng cọc BTCT $45 \times 45\text{cm}$ – Xử lý nền đất yếu đầu cầu bằng bản BTCT giảm tải trên móng cọc và giếng cát. 				
B. CÁC CÔNG TRÌNH CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI					
1	Cầu Bính	Dài: 1280m Rộng: 23,5m	Sơ đồ: 50+6x60+(100+ 260+100)+6x60+5 0) (m)	Hải Phòng	2002 - 2005
	<ul style="list-style-type: none"> – Công ty TVTK Đường bộ liên danh với Công ty CHODAI, cử 10 kỹ sư thực hiện kiểm tra thiết kế và giám sát thi công xây dựng cầu Bính, đường 2 đầu cầu và trạm thu phí. – Cầu chính: 3 nhịp dầm thép liên hợp bản BTCT. – Cầu dẫn: Dầm thép liên tục liên hợp bản BTCT. – Móng trụ thép: $D = 2\text{m}$. – Móng trụ dẫn: cọc ống thép $D = 0,8 - 0,9\text{m}$ 				
2	Cầu Cần Thơ	Dài: Rộng:	Sơ đồ: 15x40+(50+550+ 150)+22x40+(50+ 3x80+50)+2x40	Cần Thơ	Từ 2005
	<ul style="list-style-type: none"> – Công ty TVTK Đường bộ cử 2 kỹ sư tham gia kiểm tra thiết kế và giám sát thi công xây dựng. Công ty NIPPON KOE làm chủ nhiệm dự án. – Chiều cao thông thuyền: $H = 30\text{m}$. – Cầu chính: kết cấu cầu dây văng dầm hộp thép và BTCT DƯL. – Cầu dẫn: Nhịp $50+3 \times 80+50$ dầm hộp BTCT DƯL, nhịp 40cm: dầm giản đơn Super "T" BTCT DƯL. – Kết cấu móng: Móng cọc khoan nhồi $D = 2,5\text{m} - D = 1,2\text{m}$, cọc BTCT $45 \times 45\text{cm}$. 				

TT	Tên công trình	Quy mô (m)	Đặc điểm kỹ thuật	Địa điểm	Năm
3	Hầm Hải Vân	Dài: 6345m	Hầm đường bộ cho xe cơ giới	Thừa thiên - Huế, Đà Nẵng	2000 - 2005
	<ul style="list-style-type: none"> - Công ty TVTK Đường bộ cử 6 kỹ sư làm việc với Công ty NIPPON KOEI và Louis BERGER. - Quy mô hầm: Hầm chính dài 6345m, rộng 12m, cao 7,5m (chiều cao tính không 4,95m). Hầm cứu nạn dài 6345m, rộng 4,7m, cao 3,8m, hầm thông gió dài 1810m, rộng 8,2m, cao 5,3m. - Đường dẫn dài 5655m, rộng 12m, có 8 cầu tổng chiều dài 1800m trong đó: Cầu Lãng Cô có sơ đồ nhịp 25x33m. 				
4	Hành Lang đông tây QL9	Dài: 100km Rộng: 9 - 12m	Nối QL1 với cửa khẩu Đa xa vắn và đường Hồ Chí Minh	Quảng Trị	2004 - 2005
	<ul style="list-style-type: none"> - Công ty TVTK Đường bộ cử 2 kỹ sư làm việc với Công ty Luis Berger và Stan Ley. - Tốc độ thiết kế $v = 60\text{km/h}$, bán kính đường cong tối thiểu $R_{\min} = 130\text{m}$ và 65m, độ dốc tối đa $i_{\max} = 8\%$. - Mặt đường bê tông nhựa: $E_{yc} = 1270\text{DaN/cm}^2$ - Trên tuyến có 14 cầu trung và cầu nhỏ được cải tạo và xây dựng mới với tổng chiều dài 653m 				
5	Cầu Thanh trì	Dài: 2873m Rộng: 33m	Sơ đồ: 6x33+28+(80+130+80)+11x50+(80+4x130+80)+17x50+(80+130+80)+5x33 (m)	Hà Nội	2002-2006
	<ul style="list-style-type: none"> - Công ty TVTK Đường bộ cử trợ lý kỹ sư thường trú làm việc với Công ty PCI. - Cầu Thanh Trì là cầu lớn vượt qua sông Hồng có tính không thông thuyền $B = 80\text{m}$, $H = 10\text{m}$. - Kết cấu nhịp chính: Dầm hộp liên tục BTCT DƯL. - Kết cấu móng: Cọc khoan nhồi $D = 2\text{m}$ 				

PHẦN III:

**NĂNG LỰC CHUYÊN MÔN CỦA LÃNH ĐẠO
VÀ CÁC CHUYÊN GIA CHỦ CHỐT**

BẢN KÊ KHAI NĂNG LỰC CHUYÊN MÔN CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY VÀ CÁC CHUYÊN GIA CHỦ CHỐT

I. BAN GIÁM ĐỐC

TT	HỌ TÊN	NĂM TỐT NGHIỆP	TRƯỜNG ĐÀO TẠO	CHỨC DANH	CHỨC VỤ, NGHIỆP VỤ
1.	Nguyễn Văn Bích	1984	Đại học GTVT	Kỹ sư đường bộ	Chủ tịch hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành dự án khảo sát thiết kế đường ô tô, Chủ nhiệm Dự án
2.	Hoàng Văn Thọ	1985	Đại học Xây dựng	Thạc sỹ cầu	Giám đốc Công ty, Giám đốc điều hành dự án khảo sát thiết kế cầu, Chủ nhiệm Dự án
3.	Vũ Văn Chí	1980	Đại học GTVT	Kỹ sư đường bộ	Phó Giám đốc Công ty, Giám đốc điều hành dự án khảo sát thiết kế đường ô tô, Chủ nhiệm Dự án
4.	Phạm Duy Khôi	1985	Đại học GTVT	Thạc sỹ cầu	Phó Giám đốc Công ty, Giám đốc điều hành dự án khảo sát thiết kế cầu, Chủ nhiệm Dự án
5.	Lê Huy Thắng	1996	Đại học GTVT	Kỹ sư đường	Phó Giám đốc Công ty, Giám đốc điều hành dự án khảo sát thiết kế đường ô tô, Chủ nhiệm Dự án

II. CÁC CHUYÊN GIA CHỦ CHỐT

TT	HỌ TÊN	NĂM TỐT NGHIỆP	TRƯỜNG ĐÀO TẠO	TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN	CHỨC VỤ, NGHIỆP VỤ
1.	Nguyễn Văn Hiền	2002	Đại học GTVT	Kỹ sư đường bộ	Trưởng phòng Quản lý kinh doanh, chủ nhiệm lập kế hoạch KSTK công trình
2.	Nguyễn Xuân Trường	2003	Đại học mô-đia chất	Kỹ sư địa chất	Phó phòng Quản lý kinh doanh, chủ nhiệm lập kế hoạch KSTK công trình
3.	Bùi Văn Vang	1984	Đại học Thủy lợi	Kỹ sư thủy văn	Trưởng phòng Kỹ thuật, chuyên gia KCS công trình đường, Chủ nhiệm Dự án, Chủ nhiệm thiết kế đường
4.	Tô Văn Hào	2003	Đại học GTVT	Kỹ sư cầu	Phó phòng kỹ thuật, chuyên gia KCS công trình cầu, hầm, Chủ nhiệm thiết kế cầu

5.	Dương Ngọc Hiền	1995	Đại học mỏ - địa chất	Kỹ sư trắc địa	Phó phòng Kỹ thuật, chuyên gia KCS địa hình, Chủ nhiệm khảo sát địa hình
6.	Nguyễn Mạnh Cường	1999	Đại học GTVT	Kỹ sư đường bộ	Trưởng phòng TK Đường 1, Chủ nhiệm Dự án, Chủ nhiệm thiết kế đường
7.	Lương Quang Khương	1999	Đại học GTVT	Kỹ sư đường bộ	Phó phòng TK Đường 1, Chủ nhiệm thiết kế đường
8.	Nguyễn Xuân Thủy	1999	Đại học xây dựng	Kỹ sư xây dựng	Trưởng phòng TK Đường 2, Chủ nhiệm Dự án, Chủ nhiệm thiết kế đường
9.	Bùi Thanh Sơn	2004	Đại học GTVT	Thạc sỹ đường bộ	Phó phòng thiết kế đường 2, Chủ nhiệm thiết kế đường
10.	Ứng Việt Cường	1994	Đại học Xây dựng	Kỹ sư xây dựng	Trưởng phòng TK Nền mặt đường, Chủ nhiệm thiết kế đường
11.	Lê Trọng Tấn	2003	Đại học GTVT	Kỹ sư đường bộ	Phó phòng thiết kế nền mặt đường, Chủ nhiệm thiết kế đường
12.	Lê Hoàng Hà	1999	Đại học GTVT	Tiến sỹ cầu	Trưởng phòng Cầu 1, Chủ nhiệm Dự án, Chủ nhiệm thiết kế cầu
13.	Phạm Đức Tuấn	2003	Đại học GTVT	Kỹ sư XD cầu hầm	Phó phòng thiết kế cầu 1, chủ nhiệm thiết kế cầu
14.	Đặng Vũ Tuấn	1997	Đại học GTVT	Kỹ sư đường bộ	Trưởng phòng TK Cầu 2, Chủ nhiệm Dự án, Chủ nhiệm thiết kế cầu, tư vấn giám sát
15.	Nguyễn Lê Phong	2004	Đại học xây dựng	Thạc sỹ cầu	Phó phòng thiết kế cầu 2, Chủ nhiệm thiết kế cầu
16.	Khổng Việt Trung	1992	Đại học GTVT	Kỹ sư kinh tế xây dựng	Trưởng phòng Khảo sát
17.	Trần Thanh Khải	2004	Đại học GTVT	Kỹ sư đường bộ	Phó phòng Khảo sát, chủ nhiệm khảo sát địa hình
18.	Nguyễn Hoạch Nguyễn	1980	Đại học TASKEN	Kỹ sư địa chất	Trưởng phòng Địa chất, chủ nhiệm khảo sát địa chất công trình, xử lý nền đất yếu, kiên cố hoá mái dốc nền đường
19.	Lê Ngọc Thanh	1995	Đại học mỏ - địa chất	Kỹ sư địa chất	Phó phòng Địa chất, chủ nhiệm khảo sát địa chất công trình, xử lý nền đất yếu

20.	Ngô Văn Hùng	1999	Đại học thủy lợi	Kỹ sư thủy văn MT	Trưởng phòng thủy văn môi trường, đánh giá tác động môi trường
21.	Vũ Thị Minh Hương	1996	Đại học GTVT	Kỹ sư KTXD	Chủ trì dự toán, KCS dự toán
22.	Trương Quang Đông	1995	Đại học mỏ - địa chất	Kỹ sư địa chất	Chuyên gia KCS địa chất và xử lý nền đặc biệt, Chủ nhiệm khảo sát địa chất
23.	Nguyễn Thị Kim Khánh	1997	Đại học GTVT	Kỹ sư KTXD	Chủ trì dự toán
24.	Trương Thị Mai Phương	1996	Đại học GTVT	Kỹ sư KTXD	Chủ trì dự toán
25.	Đỗ Thế Hường	1992	Đại học GTVT	Kỹ sư cầu	Chủ nhiệm thiết kế cầu
26.	Phạm Thị Bích Thùy	1998	Đại học GTVT	Kỹ sư KTXD	Chủ trì dự toán
27.	Trần Thúy Quỳnh	1996	Đại học mỏ - địa chất	Kỹ sư địa chất	Chủ nhiệm khảo sát địa chất
28.	Phạm Thị Ngọc Huyền	1992	Đại học XD	Kỹ sư đường bộ	Chủ nhiệm thiết kế đường
29.	Nguyễn Thu Yên	1998	Đại học GTVT	Kỹ sư đường bộ	Chủ nhiệm thiết kế đường
30.	Phạm Vĩnh Thắng	1995	Đại học GTVT	Kỹ sư đường bộ	Chủ trì thiết kế đường, tư vấn giám sát
31.	Đào Việt Thắng	2004		Kỹ sư đường bộ	Chủ nhiệm thiết kế đường
32.	Nguyễn Ngọc Dũng	2003	Đại học GTVT	Kỹ sư đường bộ	Chủ nhiệm thiết kế đường
33.	Nguyễn Thị Kim Anh	1995	Đại học mỏ - địa chất	Kỹ sư địa chất	Chủ trì thiết kế xử lý nền đặc biệt
34.	Nguyễn Kim Thành	1995	Đại học KHXX&NV	CNKH ngành KTTV-Hải Dương	Chủ nhiệm khảo sát địa hình, Chủ trì khảo sát, tính toán thủy văn thủy lực
35.	Nguyễn Duy Việt	1971	Đại học GTVT	Kỹ sư cầu	Chuyên gia KCS cầu, hầm, chủ nhiệm Dự án, Chủ nhiệm thiết kế cầu
36.	Bùi Mạnh Hùng	2003	Đại học GTVT	Kỹ sư đường bộ	Chủ nhiệm lập dự án, Chủ nhiệm thiết kế đường
37.	Vũ Quyết Tiến	2003	Đại học GTVT	Kỹ sư đường bộ	Chủ nhiệm lập dự án, Chủ nhiệm thiết kế đường

38.	Vũ Tiến Lực	2004	Đại học GTVT	Kỹ sư đường bộ	Chủ nhiệm thiết kế đường
39.	Hoàng Quang Minh	2003	Đại học GTVT	Kỹ sư đường bộ	Chủ trì lập dự toán, tổng dự toán
40.	Nguyễn Thành Trung	2006	Đại học GTVT	Kỹ sư đường bộ	Chủ nhiệm thiết kế đường
41.	Trần Văn Ngành	1996	Đại học GTVT	Kỹ sư đường bộ	Tư vấn giám sát trưởng
42.	Hoàng Thanh Thủy	1997	Đại học GTVT	Kỹ sư đường bộ	Chủ nhiệm thiết kế đường
43.	Phạm Việt Hùng	2004	Đại học GTVT	Kỹ sư đường bộ	Chủ nhiệm thiết kế đường,
44.	Bùi Đình Sâm	2005	Đại học GTVT	Kỹ sư đường bộ	Chủ trì thiết kế đường, tư vấn giám sát
45.	Đỗ Thị Hiền	1999	Đại học GTVT	Kỹ sư đường bộ	Chủ nhiệm thiết kế đường
46.	Đình Tiến Nguyễn	2003	Đại học GTVT	Kỹ sư đường bộ	Tư vấn giám sát trưởng
47.	Hà Thị Kim Hồng	2003	Đại học GTVT	Kỹ sư đường bộ	Kỹ sư thiết kế cầu
48.	Hoàng Cường	2003	Đại học GTVT	Kỹ sư cầu hầm	Chủ nhiệm thiết kế cầu
49.	Vũ Đức Thiện	2002	Đại học GTVT	Kỹ sư đường bộ	Tư vấn giám sát trưởng
50.	Nguyễn Đức Duy	2004	Đại học thủy lợi	Kỹ sư thủy văn MT	Chủ nhiệm khảo thủy văn, môi trường, đánh giá tác động môi trường
51.	Quách Trung Học	2002	Đại học mỏ - địa chất	Kỹ sư địa chất	Chủ nhiệm khảo sát địa chất
52.	Cao Thị Luyến	2006	Đại học mỏ - địa chất	Kỹ sư trắc địa	Chủ trì khảo sát địa
53.	Nguyễn Văn Tình	1991	Đại học mỏ - địa chất	Kỹ sư điện khí hóa xí nghiệp	Chủ trì thiết kế điện, chiếu sáng
54.	Trần Văn Khương	1998	Đại học Bách Khoa	Kỹ sư hệ thống điện	Chủ trì thiết kế điện, chiếu sáng
55.	Nguyễn Mạnh Tứ	2001	Đại học thủy lợi	Kỹ sư thủy lợi	Chủ trì thiết kế cấp thoát nước

PHẦN IV:

MÁY MÓC, THIẾT BỊ, PHẦN MỀM CHUYÊN DỤNG

1. MÁY MÓC, THIẾT BỊ

TT	TÊN THIẾT BỊ	NƠI SẢN XUẤT	SỐ LƯỢNG
I. Ô tô vận tải 02 – 05 tấn : 05 chiếc			
II. Thiết bị đo địa hình			
1	Máy đo GPS Trimble R3	Mỹ	03
2	Máy toàn đạc điện tử Laser đo không gương NIKON NIVO-5M	Nhật Bản	02
3	Máy toàn đạc điện tử Laser đo không gương GPT 3003 N hãng TOPCON	Nhật Bản	01
4	Máy toàn đạc điện tử NIKON DTM-352	Nhật Bản	01
5	Máy toàn đạc điện tử NIKON Laser NPL 352	Nhật Bản	01
6	Máy toàn đạc điện tử NIKON DTM-330	Nhật Bản	01
7	Máy toàn đạc điện tử NIKON DTM-310	Nhật Bản	01
8	Máy toàn đạc điện tử Power SET3100 - SOKKIA	Nhật Bản	01
9	Máy toàn đạc điện tử SET3C - SOKKIA	Nhật Bản	01
10	Máy toàn đạc điện tử Leica – TC1000	Thụy Sĩ	01
11	Máy toàn đạc điện tử Leica – TC600	Thụy Sĩ	01
12	Máy kinh vĩ quang học Theo 010, Theo 020	Đức	12
13	Máy thủy chuẩn Ni025, Ni030, Topcon	Đức, Nhật	13
14	Máy thủy chuẩn Leica Na730	Thụy Sĩ	02
15	Máy thủy chuẩn Leica Na720	Thụy Sĩ	04
16	Máy phát điện Honda EM 1000F	Nhật Bản	05
III. Thiết bị khoan địa chất			
1	Máy khoan thăm dò XY – 1A-4 Kinh thám	Trung Quốc	01
2	Máy khoan thăm dò XY – 1	Trung Quốc	03
3	Máy khoan thăm dò XJ100 - 2	Trung Quốc	01
4	Máy khoan thăm dò YKB 12/25	Nga	02
IV. Thiết bị thí nghiệm hiện trường			
1	Bộ xuyên tiêu chuẩn	Trung Quốc	04
2	Thiết bị cắt cánh hiện trường T653/N	Italia	01
3	Cần Benkenman	Việt Nam	05
4	Bộ xuyên DCP	Việt Nam	04
5	Máy khoan lấy mẫu kết cấu mặt đường	Italia	1
6	Máy kiểm định độ gồ ghề	Anh	1
7	Máy đo dài (Tripmetter)	Anh	2
V. Dụng cụ, thiết bị thí nghiệm trong phòng: Phòng thí nghiệm LAS-XD 885			
1	Cân điện tử kỹ thuật 4000g x 0,01g	Trung Quốc	1
2	Máy cắt đất ứng biến 2 tốc độ	Trung Quốc	2
3	Máy nén cố kết không nở hông	Trung Quốc	6
4	Máy đầm chặt Protor (TC & CT)/CBR	Trung Quốc	1
5	Máy nén CBR-II	Trung Quốc	1
6	Máy nén đất 3 trục	Trung Quốc	1
7	Thiết bị xác định đương lượng cát	Trung Quốc	1
8	Máy kiểm tra độ mài mòn NH-I	Trung Quốc	1

TT	TÊN THIẾT BỊ	NƠI SẢN XUẤT	SỐ LƯỢNG
9	Máy nén bê tông 200 tấn	Trung Quốc	1
10	Cân điện tử (Hãng sản xuất OHAUS)	Mỹ	1
11	Bình tỷ trọng 100ml	Trung Quốc	50
12	Tỷ trọng kế thang A.	Trung Quốc	2
13	Tỷ trọng kế thang B.	Trung Quốc	1
14	Ống đong thủy tinh có chia vạch, 1 lít	Trung Quốc	12
15	Cân thủy tĩnh điện tử 5000g x 0,1g	Trung Quốc	1
16	Máy cất nước một lần. 10 lít/h	Trung Quốc	1
17	Khay đựng mẫu bằng tôn: 450x450x5mm	Việt Nam	10
18	Tủ sấy 300 độ	Trung Quốc	2
19	Hộp nhôm sấy ẩm	Việt Nam	100
20	Bộ xác định giới hạn chảy Casagrande	Việt Nam	1
21	Bộ thí nghiệm giới hạn dẻo	Việt Nam	1
22	Bộ chày xuyên Vaxiliep	Việt Nam	1
23	Máy khuấy kèm cốc phân tán	Việt Nam	1
24	Dao vòng ĐK 61.8x20mm	Trung Quốc	30
25	Bộ chày cối Protor tiêu chuẩn	Việt Nam	2
26	Bộ chày cối Protor cải biên	Việt Nam	2
27	Kích tháo mẫu	Việt Nam	1
28	Bộ khuôn CBR	Trung Quốc	9
29	Hộp thấm Nam Kinh	Trung Quốc	1
30	Bộ sàng D200, cỡ sàng 10; 5; 2,5; 1,25; 0,63; 0,315; 0,14 và nắp + đáy	Trung Quốc	1
31	Thùng đong thể tích 2 lít và 10 lít và 20 lít	Việt Nam	3
32	Phễu chứa và rót vật liệu	Việt Nam	1
33	Bộ sàng D200, cỡ sàng: 10; 5; 2; 1; 0,5; 0,25; 0,1 và đáy + nắp	Trung Quốc	1
34	Bộ sàng TC ASTM, D200 cỡ sàng: 37,5; 25; 19; 4,75; 2; 0,425; 0,075 mm và đáy nắp	Trung Quốc	1
35	Thùng rửa đá	Việt Nam	1
36	Máy lắc sàng điện động	Trung Quốc	1
37	Bộ chia mẫu loại 1"	Việt Nam	1
38	Bộ chia mẫu loại 2"	Việt Nam	1
39	Bộ chia mẫu loại 1/2"	Việt Nam	1
40	Côn thử độ sụt bê tông N1	Việt Nam	1
41	Thùng đong thể tích 5 lít và 15 lít	Việt Nam	2
42	Khuôn tạo mẫu lập phương 100mm kép 3	Việt Nam	3
43	Khuôn tạo mẫu lập phương 150mm đơn	Trung Quốc	6
44	Khuôn tạo mẫu trụ D150 x h300mm	Trung Quốc	6
45	Khuôn lập phương đơn 200 x 200 x 200mm	Trung Quốc	3
46	Dụng cụ capping	Việt Nam	1
47	Pipét 10ml	Trung Quốc	5

TT	TÊN THIẾT BỊ	NƠI SẢN XUẤT	SỐ LƯỢNG
48	Máy khoan đá	Trung Quốc	1
49	Pipét 5ml	Trung Quốc	5
50	Bình tam giác 500ml	Trung Quốc	5
51	Bình tam giác 250ml	Trung Quốc	5
52	Bình tam giác 100ml	Trung Quốc	5
53	Bình định mức 500 ml	Trung Quốc	5
54	Bình định mức 250 ml	Trung Quốc	5
55	Bình định mức 100 ml	Trung Quốc	5
56	Bình hút âm có vòi, D300mm	Trung Quốc	2
57	Bộ cối chày sứ	Trung Quốc	2
58	Cốc đong 1000 ml	Trung Quốc	5
59	Cốc đong 500 ml	Trung Quốc	5
60	Cốc đong 250 ml	Trung Quốc	5
61	Nhiệt kế thủy tinh 0 - 100oC	Trung Quốc	5
62	Nhiệt kế thủy tinh 0 - 300oC	Trung Quốc	5
63	Phễu thủy tinh	Trung Quốc	5
64	Đũa thủy tinh	Trung Quốc	5
65	Dao trộn mẫu	Việt Nam	5
66	Bay trộn	Việt Nam	5
67	Bình tia rửa mẫu loại 500ml	Việt Nam	5
68	Găng tay chịu nhiệt	Trung Quốc	2
69	Bếp cách cát	Việt Nam	2
70	Thùng rửa cát	Việt Nam	1
71	Bảng màu chuẩn	Việt Nam	2
72	Côn chày hấp phụ nước của cát	Việt Nam	1
73	Phễu chứa và rót vật liệu	Việt Nam	1
74	Thước kẹp cơ khí. 300mm/0,05mm	Việt Nam	1
75	Ống đong 500ml	Trung Quốc	3
76	Ống đong 250 ml	Trung Quốc	3
77	Ống đong 100 ml	Trung Quốc	3
78	Ống đong 50 ml	Trung Quốc	3
79	Máy khoan lấy mẫu thí nghiệm gồm :	Trung Quốc	
80	* Mũi khoan D = 160mm	Trung Quốc	7
81	* Mũi khoan D = 120mm	Trung Quốc	8
82	* Mũi khoan D = 80mm	Trung Quốc	10
83	* Đế máy	Trung Quốc	1
84	Phao Kavaliep	Trung Quốc	2
85	Cối đầm nén gồm	Trung Quốc	
86	* D = 100mm	Trung Quốc	1
87	* D = 152mm	Trung Quốc	2
88	Dao vòng	Trung Quốc	5
89	Cân bàn	Trung Quốc	1

TT	TÊN THIẾT BỊ	NƠI SẢN XUẤT	SỐ LƯỢNG
90	Cân Trung Quốc 500g (1 bộ - 9 quả)	Trung Quốc	1
91	Dụng cụ Vaxiliep	Trung Quốc	2
92	Đế máy Marshall	Italia	1
93	Sàng 3381	Trung Quốc	1
94	Phễu rót cát	Trung Quốc	2
95	T/Bị T/Nghiệm chùy xuyên DCP búa 9,07 kg	Trung Quốc	2
96	Hộp nhôm đựng mẫu	Trung Quốc	100
97	Hộp đựng mẫu CBR (Thuê chế tạo)	Trung Quốc	24
98	Dao lấy mẫu CBR (Thuê chế tạo)	Trung Quốc	2
99	Cần Benkenmal cải tiến	Trung Quốc	2
100	Sàng ASTM,	Trung Quốc	3
101	Thiết bị ép tĩnh	Trung Quốc	1

2. PHẦN MỀM CHUYÊN DỤNG

TT	Tên phần mềm	Công dụng	Hãng / Nước
1	Thiết kế đường		
-	Open Office	Văn phòng: lập báo cáo, bảng tính, trình chiếu, cơ sở dữ liệu	OpenOffice
-	AutoCAD 2006	Vẽ kỹ thuật	AutoDesk
-	Land Dev. Desktop	Thiết kế đường, san nền, quy hoạch	AutoDesk
-	VNROAD 7.1	Thiết kế đường	TDT Technology
-	NovaTDN	Thiết kế đường	Hài hòa
-	Các chương trình thiết kế hình học đường	Thiết kế trắc dọc, trắc ngang chi tiết	Tự phát triển
-	Chương trình thiết kế kết cấu áo đường	Thiết kế kết cấu áo đường mềm và áo đường BTXM	Tự phát triển
2	Thiết kế hầm, cầu, công lớn		
-	RM2000	Chương trình thiết kế cầu	Áo
-	MIDAS	Chương trình thiết kế cầu	Hàn Quốc
-	SAP	Chương trình tính kết cấu	
-	STAAD	Chương trình tính kết cấu	
-	Chương trình tính toán trụ	Tính toán kết cấu trụ cầu	Tự phát triển
-	Chương trình tính toán móng	Tính toán kết cấu móng cầu	Tự phát triển
-	Chương trình tính toán cọc	Tính toán kết cấu cọc khoan nhồi, cọc đóng dưới móng, trụ cầu	Tự phát triển
-	Chương trình tính toán dầm	Chương trình tính toán kết cấu dầm BTCT ứng suất trước	Tự phát triển
3	Thiết kế địa kỹ thuật, địa chất công trình		

TT	Tên phần mềm	Công dụng	Hãng / Nước
-	GeoSlope W	Tính toán ổn định mái dốc, ổn định trượt nền đắp trên đất yếu	Canada
-	Chương trình thiết kế xử lý nền đất yếu	Tính ổn định lún, ổn định trượt nền đắp trên đất yếu. Xử lý bằng bác thấm, cọc cát, đắp phản áp...	Tự phát triển
4	Thiết kế thủy văn thủy lực		
-	Chương trình tính toán thủy văn	Xử lý số liệu, tính toán mực nước thiết kế, tính dềnh, tính xói...	Tự phát triển
-	Chương trình tính toán thủy lực	Tính khẩu độ thoát nước, tiêu năng...	Tự phát triển
5	Khảo sát địa hình		
-	Phần mềm TOPO 3.0	Vẽ bình đồ, trắc dọc trắc ngang	Hải Hòa
-	Land Dev. Desktop-Survey	Vẽ bình đồ, trắc dọc, trắc ngang và lập hồ sơ khảo sát địa hình...	AutoDesk
-	Phần mềm HHMAPS	Bình sai lưới không chế mặt bằng và độ cao, xử lý tính toán số liệu đo đạc, vẽ bình đồ, trắc dọc, trắc ngang, xử lý số liệu từ fielbook (máy toàn đạc), sổ đo, tự động load điểm lên bản vẽ.	Tự phát triển
6	Dự toán, đánh giá hiệu quả đầu tư		
-	Chương trình Dự toán	Tính dự toán xây dựng công trình cầu, đường	Viện kinh tế, Bộ Xây dựng
-	Chương trình Dự toán	Tính dự toán xây dựng công trình cầu, đường	C.ty tin học, Bộ Xây dựng
-	Chương trình Dự toán	Tính dự toán xây dựng công trình cầu, đường	Tự phát triển
-	Chương trình đánh giá hiệu quả đầu tư	Phân tích kinh tế / tài chính dự án	Tự phát triển
7	Phần mềm kế toán, quản lý doanh nghiệp		
-	Kế toán doanh nghiệp	Kế toán doanh nghiệp	Việt Nam
-	Quản lý nhân sự	Quản lý nhân sự	Việt Nam